

Day & học

Số 1 - tháng 07 | 2018

CÔNG NGHỆ VÀ GIÁO DỤC

**Người lớn
cần học thế nào?**

**1/2 thế kỷ
Đề án Số không**

**EDTECH:
Cách mạng hay tiến hoá?**

KHI TRẺ EM GIÚP TRẺ EM ĐỌC SÁCH

HỌC THẾ NÀO?

HỌC TẬP DỰA TRÊN HIỆN TƯỢNG06

Pasi Silander / Nguyễn Minh Thành dịch

NGƯỜI LỚN CẦN HỌC NHƯ THẾ NÀO?08

Malcolm Knowles / Hoàng Giang Quỳnh Anh tổng hợp

HỌC TẬP CHỦ ĐỘNG (P1)10

Lê Thanh Hằng dịch

DẠY THẾ NÀO?

TỔNG QUAN VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

TRONG GIÁO DỤC13

Serhat Kurt / Phạm Phước Hiền dịch

BA LOẠI HÌNH CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC16

Nguyễn An Quyên tổng hợp

GÓC NHÌN

EDTECH: MỘT SUY NGHĨ VỤN18

Dương Trọng Tấn

CẢI TỔ GIÁO DỤC

ĐỀ ÁN SỐ KHÔNG - 1/2 THẾ KỶ ĐÀO SÂU VỀ

TRÍ THÔNG MINH, TƯ DUY VÀ HỌC TẬP20

Hoàng Anh Đức

CÔNG NGHỆ TRONG GIÁO DỤC:

CÁCH MẠNG HAY TIẾN HÓA? 24

Adam F. Falk / Đặng Thanh Giang dịch

CUỘC CÁCH MẠNG GIÁO DỤC TOÀN CẦU

THẦM LẶNG 29

Jenny Anderson / Nguyễn Bảo Trọng dịch

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Cải thiện văn hóa học đường bằng

góc nhìn của học sinh 35

Rashmi Watson / Bạch Dương dịch

GIỚI THIỆU SÁCH

Những ngôi trường “học tập” 38

Hải Diệu

TỪ THỰC ĐỊA

Khi “trẻ em giúp trẻ em đọc sách”, cả xã hội vui mừng 40

Hoàng Anh

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới Dạy và Học muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tin thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung Dạy và Học có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Thư ngỏ của ban biên tập

Lời ngỏ,

Giáo dục là câu chuyện muôn đời, và cải cách giáo dục cũng là vấn đề thời sự muôn năm, không chỉ ở Việt Nam mà ở khắp mọi nơi trên thế giới. Không chỉ trong những năm gần đây mà kể từ nhiều thiên niên kỉ trước, xã hội loài người chúng ta đã vô cùng bế tắc với những câu chuyện cải cách giáo dục.

Nếu quý vị nghĩ tới một cuộc chạy đua, xin hãy đi tới trường đua ngựa. Nếu quý vị nghĩ tới việc nuôi dưỡng những con người, rất vui mừng là chúng ta có thể tiếp bước cùng nhau (Hoan hô!).

Chúng ta đều biết rằng mì ăn liền (nói riêng) và các loại đồ ăn nhanh (nói chung) đều không tốt cho sức khỏe về mặt thể chất. Thế nhưng, có những loại mì ăn liền khác dành cho sức khỏe tinh thần thì lại ít được đề cập. Trong không gian bé nhỏ của tờ **Day & học**, chúng tôi mong rằng có thể đem lại cho quý vị những món ăn khó có thể ăn liền được.

Lấy cảm hứng từ Khoa học Tạp chí được cụ Nguyễn Công Tiểu xuất bản vào những năm 1930, chúng tôi, những người làm nghề giáo từ khắp mọi miền của tổ quốc đã hội lại với nhau với cái tên **Ban Biên tập Lộn xộn**, cho ra đời tờ **Day & học**. Tờ **Day & học** không phải là một tạp chí hay tập san chuyên nghiệp, mà chỉ là một tập hợp những món ăn tinh thần hết sức bình dân dành cho những người làm giáo dục. Chúng tôi mong rằng quý độc giả sẽ đón nhận món ăn này, dù ăn xong thì quý vị có thể lại thêm đói và thêm cồn cào ruột gan.

Kính chúc quý vị có khoảng thời gian thú vị,

Thay mặt **Ban Biên tập Lộn xộn**,

Hoàng Anh Đức

HỌC TẬP DỰA TRÊN HIỆN TƯỢNG

- PASI SILANDER
Nguyễn Minh Thành dịch



Trong học tập và giảng dạy dựa trên hiện tượng (PhenoBL), các hiện tượng tổng thể trong thế giới thực đặt ra điểm khởi đầu cho việc học. Những hiện tượng này được nghiên cứu như những thực thể hoàn chỉnh, trong bối cảnh thực tế diễn ra; thông tin và các kỹ năng liên quan đến chúng được nghiên cứu bằng cách vượt qua ranh giới giữa các môn học. Các hiện tượng này chính là những chủ đề mang tính tổng thể như *con người, Liên minh châu Âu, phương tiện truyền thông và công nghệ, nước hoặc năng lượng*. So với văn hóa trường học truyền thống thường chia nhỏ thành các môn học, điểm khác biệt trước tiên của PhenoBL là chia nhỏ các chủ đề nghiên cứu thành các học phần tương đối nhỏ và riêng biệt (phản ngữ cảnh hóa - decontextualisation).

Cấu trúc dựa trên hiện tượng trong một chương trình đào tạo cũng góp phần tích cực tạo ra những cơ hội tốt hơn để tích hợp các môn học và chủ đề khác nhau cũng như việc sử dụng có hệ thống các phương pháp sư phạm hiệu quả như học tập gợi mở, học tập qua vấn đề, học tập qua dự án và hồ sơ năng lực. Phương pháp tiếp cận dựa trên hiện tượng cũng là bí quyết nhằm sử dụng linh hoạt các môi trường học tập khác nhau (ví dụ: trong việc đa dạng hóa và làm phong phú việc học tập đồng thời sử dụng môi trường học tập trực tuyến - eLearning).

Học tập và hiểu biết chuyên sâu là mục tiêu của học tập dựa trên hiện tượng

Học tập dựa trên hiện tượng bắt nguồn từ việc quan sát chung về những hiện tượng tổng thể chân thực trong đời thực, diễn ra trong cộng đồng học tập. Việc quan sát không giới hạn ở một quan điểm duy nhất; thay vào đó, các hiện tượng này được nghiên cứu tổng thể từ các quan điểm khác nhau, vượt qua ranh giới giữa các môn học một cách tự nhiên và tích hợp giữa các chủ đề và chủ điểm khác nhau.

Trong quá trình giảng dạy dựa trên hiện tượng, việc hiểu và nghiên cứu hiện tượng đồng thời bắt đầu từ việc đặt ra các câu hỏi hoặc nêu ra các vấn đề (ví dụ: Tại sao một chiếc máy bay lại bay và lơ lửng trong không trung?). Thực chất, học tập dựa trên hiện tượng chính là học tập qua vấn đề, ở đó người học xây dựng câu trả lời phù hợp cho các câu hỏi hoặc các vấn đề được nêu ra liên quan đến hiện tượng mà họ quan tâm. Các vấn đề và câu hỏi đã được đặt ra bởi chính những người cùng học với nhau – đó là những vấn đề (hiện tượng) mà người học thực sự quan tâm.

Phương pháp tiếp cận dựa trên hiện tượng chính là “học tập thả neo” (anchored learning), trong đó các câu hỏi đặt ra và các vấn đề cần

ngiên cứu gắn chặt với các hiện tượng trong thế giới thực một cách tự nhiên, và các thông tin, kỹ năng cần học hỏi có thể được áp dụng trực tiếp vượt qua ranh giới giữa các môn học và bên ngoài lớp học, trong các tình huống mà ở đó người học vận dụng được các thông tin và kỹ năng (quá trình chuyển giao tất yếu).

Trong quá trình học tập, thông tin mới luôn được áp dụng đối với hiện tượng hoặc để giải quyết một vấn đề nào đó, điều này có nghĩa là các lý thuyết và thông tin đều có giá trị thiết thực tức thì, và chính giá trị này đã được chứng minh rõ ràng trong tình huống học tập. Để tiếp thu thông tin mới và học tập sâu, điều quan trọng là người học phải áp dụng và sử dụng thông tin vào trong tình huống học tập. Thông tin chỉ được tiếp nhận ở cấp độ đọc hoặc lý thuyết (chẳng hạn như các công thức vật lý và các quy tắc tính toán được ghi nhớ mà không có ngữ cảnh thực hoặc các vấn đề liên quan) thường là các chi tiết rời rạc và rời rạc cho người học, mà không có sự hiểu biết toàn diện về thông tin (và hiện tượng trong thế giới thực đằng sau nó) hoặc không tiếp thu ý nghĩa thực sự của nó.

Phương pháp tiếp cận dựa trên hiện tượng có thể làm tăng đáng kể tính xác thực của việc học. Trong trường hợp này, tính xác thực đạt đỉnh điểm trong tiến trình nhận thức của người học (tiến trình tư duy) mang tính xác thực - trong một

tình huống học tập, do đó tiến trình nhận thức của người học tương quan với tiến trình nhận thức được yêu cầu trong tình huống thực tế mà người học cần vận dụng các thông tin/kỹ năng. Tính xác thực là một yêu cầu quan trọng cho việc chuyển giao và ứng dụng thực tế của thông tin. Thông thường, người ta nói rằng “bạn không thể học lái xe chỉ bằng bút và giấy” hoặc “Các bài kiểm tra điền vào chỗ trống (Cloze tests) chỉ dạy cách trả lời cho các bài kiểm tra đó - không có bài kiểm tra điền vào chỗ trống nào trong đời thực hoặc trong công việc, chỉ có các tình huống giao tiếp thực tế mà thông tin phải được áp dụng và thông điệp phải được truyền tải một cách toàn diện và dễ hiểu cho người khác”. Trong việc học tập thực chất, mục tiêu là mang những lối thực hành và quy trình sống thực sự vào các tình huống học tập theo phương pháp sư phạm bài bản, khi áp dụng, cho phép người học tham gia vào văn hóa chuyên môn thực tế trong thực địa và áp dụng các lối thực hành (nghĩa là cộng đồng thực hành) .

Các lý thuyết học tập và mô hình sư phạm ẩn sau Học tập dựa trên hiện tượng

Xuất phát điểm của việc dạy học dựa trên hiện tượng là thuyết kiến tạo (constructivism), trong đó người học được xem là người xây dựng tri thức tích cực và thông tin được xây dựng dựa trên kết quả của việc giải quyết vấn đề, được xây dựng từ ‘những mảnh rời nhỏ’ ghép thành một tổng thể phù hợp với tình huống được vận dụng vào thời điểm đó. Khi việc học tập dựa trên hiện tượng xảy ra trong một môi trường cộng tác (chẳng hạn, người học làm việc theo nhóm), nó hỗ trợ thuyết kiến tạo xã hội và các lý thuyết học tập văn hoá xã hội, trong đó thông tin không chỉ được xem như một yếu tố bên trong của một cá nhân; thay vào đó, thông tin xem như đang được hình thành trong bối cảnh xã hội. Các vấn đề trọng tâm trong các lý thuyết học tập văn hoá xã hội bao gồm các tạo tác văn hóa (ví dụ hệ thống các ký hiệu như ngôn ngữ, các quy tắc toán học và các loại công cụ tư duy khác nhau) - người học không cần tái tạo lại những thứ đã có sẵn, họ có thể sử dụng thông tin và công cụ được lưu truyền lại...

Đặc biệt, trong chương trình giảng dạy, phương pháp tiếp cận dựa trên hiện tượng hỗ trợ cho việc học tập cùng với học tập gợi mở, học tập qua vấn đề và học tập qua dự án và hồ sơ năng lực trong các tổ chức giáo dục cũng như trong việc triển khai thực tế.



NGƯỜI LỚN CẦN HỌC NHƯ THẾ NÀO?

Hoàng Giang Quỳnh Anh tổng hợp



Lí thuyết về học tập của người lớn (**Andragogy**, với hàm ý ban đầu để đối lập với “sư phạm”-**pedagogy** tức là dạy cho trẻ con) được cho là do Malcolm Knowles đề xướng và đặt nền móng. Các ý tưởng của Knowles được vận dụng rất phổ biến trong cả đào tạo chính quy và học tập phi chính quy. Knowles là cố giám đốc của *Hiệp hội Giáo dục cho Người trưởng thành*, là người có những ảnh hưởng rất lớn đến giáo dục Hoa Kỳ nửa sau thế kỉ XX. Bài viết ngắn này tóm tắt những nguyên lí căn bản của lí thuyết Andragogy.

Bàn về việc học của người lớn, Knowles cho rằng nó cần phải thể hiện được được ít nhất những điều sau đây:

- **Người lớn nên xây dựng hiểu biết của riêng mình.** Họ nên hiểu những gì là cần thiết, điều gì thúc đẩy họ học tập, những điều thực sự quan tâm, năng lực cũng như mục tiêu của mình. Họ nên có cái nhìn vào chính mình một cách khách quan và trưởng thành. Họ chấp nhận chính trạng thái của họ như đang là, tôn trọng chính mình và nỗ lực không ngừng để trở nên tốt hơn.

- **Người lớn nên phát triển thái độ về tiếp nhận, yêu thương và tôn trọng người khác.** Đây là thái độ ảnh hưởng tới tất cả các mối quan hệ con người mà mỗi người tham gia vào. Người lớn phải học cách phân biệt giữa cá nhân và ý tưởng, thử thách các ý tưởng mà không gây phương hại đến các cá nhân. Một cách lí tưởng, thái độ này được xây trên cái nền của việc *tiếp thu, yêu thương, tôn trọng, cảm thông* và *mong muốn giúp đỡ* người khác.
- **Người lớn nên phát triển một thái độ năng động về cuộc sống.** Họ nên chấp nhận những sự thật về thay đổi, cả môi trường lẫn chính bản thân họ. Họ cần hình thành những thói quen nhìn nhận mọi việc như là cơ hội để học tập và trở nên tốt hơn.
- **Người lớn nên học các phản ứng với các nguyên nhân, không phải với các hiện tượng hay hành vi.** Giải pháp của các vấn đề nằm trong cách xử lí nguyên nhân, không phải ở bề mặt.
- **Người lớn nên phát triển các kĩ năng**



cần thiết để phát huy tối đa tiềm năng của riêng mình. Mỗi người có tiềm năng khác biệt, và nếu biết hiện thực hóa, nó sẽ góp phần quan trọng cho chính cá nhân và xã hội. Những tiềm năng này có thể tồn tại dưới rất nhiều dạng: nghề nghiệp, xã hội, giải trí, công tác xã hội, nghệ thuật v.v.

- **Người lớn cần hiểu được những giá trị cốt yếu của tài sản kinh nghiệm.** Họ cần làm quen với di sản của tri thức, những ý tưởng lớn, những truyền thống tốt đẹp của thế giới mà họ đang sống. Họ nên hiểu và tôn trọng những giá trị đang gắn kết con người với nhau.
- **Người lớn cần hiểu xã hội của mình và cần phải có kỹ năng để định hướng những thay đổi nó.** Trong một môi trường dân chủ, con người tham gia vào việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến trật tự xã hội. Vì thế, từ công nhân công trường cho đến những nhà hoạch định chính sách cần phải lưu tâm và học tập để có kỹ năng định hướng những thay đổi đó.

Dựa trên các giả định trên, Knowles cho rằng, việc học của người lớn (hay các chương trình đào tạo dành cho người trưởng thành) cần được xây dựng dựa trên các nguyên tắc sau đây của Andragogy:

1. **Tự định hướng (Self-concept):** Người trưởng thành đã chuyển từ việc phụ thuộc sang tự định hướng. Họ cần phải được can dự vào quá trình lập kế hoạch và đánh giá kết quả học tập.
2. **Trải nghiệm (Experience):** Người trưởng thành không ngừng trải nghiệm (gồm cả những sai sót) để tích lũy thành những bể chứa kinh nghiệm, cung cấp nền tảng cho việc học tập.
3. **Sự sẵn sàng học tập (Readiness to learn):** Người lớn quan tâm đến những nội dung học tập có liên hệ trực tiếp tới công việc hoặc trong đời tư của họ.
4. **Định hướng học tập (Orientation to learn):** Người lớn học theo kiểu lấy vấn đề làm trung tâm (problem-centered) để áp dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, hơn là hướng đến nội dung (content-oriented).
5. **Động lực học tập (Motivation to learn):** người lớn học tập với động lực từ bên trong chính họ (động lực nội sinh).

Malcolm Shepherd Knowles (1913 – 1997)

Theo Knowles, các chương trình cần tập trung hơn vào tiến trình, sự tương tác và thẩm thấu trực tiếp hơn là vào phát triển nội dung. Những phương pháp giảng dạy tương tác và tích cực sẽ được sử dụng nhiều hơn như: khảo sát tình huống (case study), nhập vai (role play), trò chơi (serious game), giả lập (simulation) hay tự đánh giá. Các phương pháp này được thiết kế cơ bản dựa trên các vấn đề thực tiễn, cách thức giải quyết chúng sử dụng nội dung (content) của môn học. Thông qua trải nghiệm thực tế, người học tự xây dựng các tri thức cho chính mình, tự mình đo lấy thành quả. Đến lượt mình, người học tự chịu trách nhiệm về việc học của mình. Dù ra đời từ khu vực phi chính quy (informal learning), hiện nay lý thuyết của Knowles và những phương pháp kế thừa đã góp phần gia tăng hiệu quả của các khóa học chính quy trong các đại học trên thế giới.



© Pixabay

HỌC TẬP

CHỦ ĐỘNG?

Phần 1

Lê Thanh Hằng dịch
từ Website của Đại học Duquesne

Học tập chủ động thừa nhận rằng con người học tốt nhất từ trải nghiệm

Active learning?

Học tập chủ động (Active learning) là hoạt động cho phép sinh viên tham gia vào các quá trình học tập trong bài giảng để giảng viên và sinh viên có thể xác định được sự thành thạo kiến thức và điều chỉnh các hướng dẫn để tạo điều kiện cho học tập lâu dài.

Lịch sử và lý thuyết về Active Learning

Học tập chủ động thừa nhận rằng con người học tốt nhất từ trải nghiệm. Khái niệm về học tập chủ động không phải là mới. Năm 1915, John Dewey đã nhận ra tầm quan trọng của học tập trải nghiệm trong lớp học.

“Giảng viên và sách giáo trình không còn là những người hướng dẫn duy nhất; tay, mắt, tai, và thực tế toàn bộ cơ thể, đều trở thành nguồn thông tin, trong khi giảng viên và sách giáo trình tương ứng trở thành người khởi động và kiểm định. Không có cuốn sách hoặc bản đồ nào là một sự thay thế cho trải nghiệm cá nhân, họ không thể chiếm chỗ của cuộc hành trình thực tế”¹.

Dewey nhấn mạnh những trải nghiệm của sinh viên được lặp lại trong tư duy phản biện hiện

1 Dewey, *Schools of Tomorrow* 1915: 74

đại về giáo dục đại học. Chickering và Gamson trong “7 nguyên tắc thực hành tốt trong Đại học Giáo dục” nhấn mạnh nghiên cứu cho thấy rằng việc học của sinh viên được thực hiện thông qua việc tham gia vào quá trình học tập: “Học tập không dành cho khán giả. Sinh viên sẽ không học được nhiều khi chỉ ngồi trong lớp và nghe giảng viên giảng bài, học thuộc lòng bài tập và trả lời câu hỏi. Họ phải nói về những gì họ đang học, viết về nó, liên hệ nó với những trải nghiệm trong quá khứ và áp dụng nó vào cuộc sống hàng ngày của chính họ”².

Bransford và các đồng nghiệp của ông đã liên kết học tập chủ động với các khái niệm về siêu nhận thức (metacognition). Siêu nhận thức đề cập đến khả năng của con người khi dự đoán và theo dõi việc học của chính mình. “Thực hành giảng dạy phù hợp với một hướng tiếp cận siêu nhận thức trong học tập bao gồm những thực hành tập trung tạo ý nghĩa, tự đánh giá, và phản tỉnh về những việc đã làm và những điều cần cải thiện. Thực tế này đã được chứng minh là sẽ làm tăng mức độ chuyển việc học tập của sinh viên thành những thiết lập và sự kiện mới”³.

Trong khi nhiều giảng viên đã học được trong các thiết lập bài giảng truyền thống, họ đã áp dụng hướng tiếp cận siêu nhận thức trong học tập của chính họ trong khi học tập tại ký túc xá hoặc thư viện. Học tập chủ động thừa nhận lợi ích của sự dịch chuyển thực hành siêu nhận thức vào thời gian giảng dạy thực tế. Tiền đề đằng sau học tập chủ động là trí nhớ và sự hiểu biết của con người tăng theo cấp số nhân với sự tham gia tích cực hơn.

Nhiều tên gọi và nguyên tắc

Những bài viết mô tả các nỗ lực để tăng cường sự tham gia của sinh viên cho thấy rằng học tập chủ động xảy ra theo nhiều cách với những cái tên khác nhau. Tuy nhiên, nguyên tắc của sự tích cực tham gia với thông tin phản hồi liên tục vẫn không đổi. Richard Felder, Giáo sư Hóa học của North Carolina State University, mô tả học tập chủ động là “sự hướng dẫn lấy sinh viên là trung tâm”.

“Trong hướng tiếp cận giáo dục đại học truyền thống, gánh nặng trao đổi tài nguyên môn học chủ yếu là người hướng dẫn. Trong phương pháp hướng dẫn lấy sinh viên làm trung tâm

(SCI), một số gánh nặng được chuyển sang sinh viên. SCI là một hướng tiếp cận đa dạng bao gồm các kỹ thuật như thay thế trải nghiệm học tập tích cực cho các bài giảng... gán vấn đề mở và các vấn đề đòi hỏi phải có tư duy phản biện hoặc sáng tạo mà không thể được giải quyết bằng cách làm theo các ví dụ văn bản, liên quan đến sinh viên trong các mô phỏng và đóng vai, gán một loạt các bài tập viết độc đáo, và sử dụng học tập tự tương tác và/hoặc học tập hợp tác” (Felder & Brent, 1996).

“Một tính năng thiết yếu của bất kỳ chương trình phát triển kỹ năng nào là thực hành và phản hồi. Hầu hết sinh viên chưa bao giờ được dạy giải quyết vấn đề mở hoặc tư duy phản biện hoặc xây dựng các vấn đề, vì vậy mà lần đầu tiên bạn giao một bài tập như vậy có lẽ họ sẽ làm kém. Thu thập các sản phẩm của họ và đóng góp ý kiến xây dựng.... Sau nhiều bài tập tương tự và các phiên phản hồi, sinh viên sẽ bắt đầu đạt được kết quả mà bạn đang tìm kiếm và họ cũng sẽ bắt đầu trao đổi những thông tin phản hồi có ý nghĩa trong làm việc nhóm. Hướng tiếp cận này phục vụ một mục đích kép: sinh viên đạt được nhiều kỹ năng và sự tự tin và bạn có được một lớp học với các trợ giảng có thể giúp nhau học. Đến cuối khóa học, một trong số họ có thể được kết quả ở mức cao đáng ngạc nhiên” (Felder & Brent, 1996).

Eric Mazur, Giáo sư Vật lý Harvard, mô tả kỹ thuật học tập chủ động của mình như ConcepTests. Ông đã phát triển ConcepTests để hỗ trợ sinh viên học tập trong lớp học giảng đường lớn. ConcepTests là các câu hỏi trắc nghiệm được xen kẽ trong các bài giảng để xác định sinh viên có hiểu về kiến thức không và tạo cơ hội cho hướng dẫn đồng đẳng. Mazur thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Giảng một đoạn ngắn tập trung vào khái niệm quan trọng
2. ConcepTest – câu hỏi đặt cho sinh viên
3. Sinh viên có một phút để ghi lại câu trả lời của họ (thông qua giơ tay phát biểu, hệ thống phản ứng cá nhân hoặc viết ra giấy)
4. Học sinh được yêu cầu để thuyết phục sinh viên khác về câu trả lời của họ
5. Học sinh ghi lại câu trả lời được sửa đổi sau trao đổi đồng đẳng (thông qua giơ tay phát biểu, hệ thống phản ứng cá nhân hoặc viết ra giấy)
6. Giảng viên đưa ra lời giải thích cho câu trả lời đúng

2 American Association for Higher Education Bulletin, 3/ 1987

3 Bransford, et al, How People Learn 2003: 12

Mazur sử dụng ConcepTest như là một cách thức đánh giá sự hiểu kiến thức của sinh viên. “Nếu kết quả của sinh viên trong ConcepTests là thỏa mãn, các bài giảng có thể tiến hành chủ đề tiếp theo. Trái lại, giảng viên nên chậm lại, giảng bài chi tiết hơn về chủ đề, và đánh giá lại các sinh viên với ConcepTest khác về đề tài này. Điều này ngăn cản một hố sâu giữa kỳ vọng của giáo viên và sự hiểu biết của học sinh – một hố sâu, mà một khi hình thành, chỉ tăng theo thời gian cho đến khi toàn bộ kiến thức mất đi” (Mazur).

Một số giảng viên sử dụng hệ thống phản hồi cá nhân (PRS), cách gọi khác là “Clickers,” để tăng cường học tập chủ động trong các lớp học lớn. Derek Bruff mô tả quá trình này trong **Teaching with Classroom Response Systems**: “Hệ thống phản hồi trong lớp học là những công nghệ giảng dạy cho phép giảng viên nhanh chóng thu thập và phân tích các phản hồi của sinh viên cho những câu hỏi đặt ra trong lớp học. Hệ thống thường được sử dụng theo cách sau đây. Thứ nhất, giảng viên đặt một câu hỏi, thường là một

câu hỏi nhiều lựa chọn cho sinh viên. Sinh viên suy nghĩ về các câu hỏi và gửi phản hồi cho câu hỏi, sử dụng máy phát cầm tay không dây, thường được gọi là clickers, mà thường trông giống như điều khiển từ xa, và các tín hiệu sẽ chuyển tới một thiết bị nhận, gắn vào máy tính trong lớp học của giảng viên. Phần mềm trên máy tính thiết lập một biểu đồ cột cho thấy sự phân bố đáp án trả lời của sinh viên, sau đó sử dụng kết quả để quyết định tiến trình tiếp theo trong lớp học: cho sinh viên tham gia trong nhóm thảo luận nhỏ hoặc lớn về vấn đề, chuyển sang chủ đề tiếp theo nếu kết quả cho thấy sinh viên sẵn sàng, hoặc một cái gì đó hoàn toàn khác.”

Một lần nữa, chúng ta thấy sự nhấn mạnh của việc tham gia vào học tập chủ động của sinh viên trong quá trình học và đưa ra phản hồi quá trình. Bất kỳ tên gì được lựa chọn (CSI, ConcepTests, Clickers, vv), các nguyên tắc đằng sau học tập chủ động vẫn nhất quán. Giảng viên tham gia tích cực vào quá trình học tập của sinh viên khi tạo ra một quá trình cung cấp phản hồi liên tục.



Tổng quan về Ứng dụng công nghệ trong Giáo dục

- Serhat Kurt

Phạm Phước Hiền dịch

© Pixabay

“Công nghệ chỉ là công cụ. Để giúp cho trẻ em cộng tác tốt và có động lực, vai trò của giáo viên là quan trọng nhất.”
- Bill Gates

Ứng dụng công nghệ trong giáo dục bao gồm quá trình nghiên cứu các quá trình phân tích, thiết kế, phát triển, triển khai thực hiện, đánh giá môi trường giảng dạy và các học liệu nhằm để cải thiện việc dạy và học. Có một điều quan trọng cần lưu ý là mục đích của các ứng dụng công nghệ trong giáo dục (còn được gọi là công nghệ giảng dạy) là để cải cách giáo dục theo hướng tiến bộ hơn. Để làm được điều đó thì trước tiên chúng ta phải xác định được các mục tiêu và những yếu tố cần thiết nhất trong giáo dục hiện đại. Dựa trên cơ sở đó, chúng ta mới vận dụng tất cả kiến thức của mình, bao gồm cả hiểu biết về công nghệ để thiết kế môi trường học tập hiệu quả nhất cho học sinh.

Công nghệ giảng dạy cũng có thể được xem như là một quá trình giải quyết các vấn đề và những mối quan ngại nói chung trong giáo dục: những mối quan tâm về động lực học tập, kỷ luật, tỷ lệ thôi học, bạo lực học đường, kỹ năng cơ bản, tư duy phê phán và vô vàn các mối quan tâm khác về giáo dục. Tuy nhiên, một ứng dụng công nghệ đơn lẻ chẳng thể nào giải quyết được cả tá cá vấn đề mà chỉ có thể đáp ứng được từng nhu cầu cụ thể. Để đảm bảo việc triển khai một ứng dụng công nghệ sẽ giải quyết đúng nhu cầu dạy và học, ta có thể tham khảo quy trình gồm 5 bước như dưới đây:

- Xác định vấn đề tồn tại trong môi trường giáo dục cụ thể, phân tích các yếu tố cốt lõi của vấn đề và các giải pháp có thể giải quyết vấn đề.
- Phân tích đặc tính lớp học và chương trình giảng dạy.
- Lựa chọn chiến lược giảng dạy phù hợp nhất cho tình huống cụ thể.
- Lựa chọn tài liệu giảng dạy, tài liệu hỗ trợ phù hợp với chương trình và chiến lược giảng dạy đã được lựa chọn.
- Cuối cùng, lựa chọn và triển khai giải pháp công nghệ, đánh giá và sửa đổi khi cần thiết để đáp ứng các mục tiêu đã nêu để cải thiện môi trường học tập.

Ngày nay, các tài liệu học tập đã mở rộng ra nhiều hình thái khác nhau, với sự trợ giúp của tiến bộ công nghệ. Học liệu ngày nay bao gồm cả các tài liệu thông thường, bảng đen, máy chiếu qua đầu, máy chiếu phim, TV, VCR, máy chiếu, cũng như các vật liệu mới hơn, chẳng hạn như máy tính, các ứng dụng phần mềm khác nhau, máy quay phim, máy ảnh kỹ thuật số, máy quét, Internet, vệ tinh, TV tương tác, hội nghị từ xa với hình thức truyền tải âm thanh và video, trí tuệ nhân tạo, v.v.

Giáo viên cần hiểu và nắm vững được các nguồn, loại tài liệu nào sẵn có, cách sử dụng chúng, tại sao chúng nên được sử dụng, khi nào thì sử dụng và cách tích hợp các nguồn, loại học liệu này vào môi trường dạy/học để đáp ứng mục tiêu cuối cùng là nâng cao chất lượng giáo

dục. Bên cạnh đó, các giáo viên cũng cần cân nhắc một cách nghiêm túc về việc những học liệu mới này mang lại những ảnh hưởng như thế nào đến việc dạy và học đến chính môi trường cụ thể của mình.

Khi tiếp cận với nguồn tài nguyên mới, bước đầu tiên chúng ta cần giải quyết đó chính là việc trả lời được câu hỏi: Học liệu này là gì và làm thế nào để có thể sử dụng chúng? Để làm được điều đó chúng ta phải nhanh chóng bắt đầu thảo luận về cách sử dụng các tài liệu này và những ảnh hưởng mà chúng đem đến chương trình giảng dạy trong các trường học của chúng ta. Công nghệ có thể được sử dụng để duy trì phương pháp tiếp cận học tập dựa trên tri thức do giáo viên hướng dẫn hoặc nó có thể được sử dụng để giúp chúng ta thực hiện phương pháp lấy học sinh làm trung tâm, cá nhân hoá học tập trên nền tảng xây dựng và tiến bộ. Ngoài ra, chúng ta cũng cần giúp các giáo viên hiểu được bức tranh lớn hơn về cách thức công nghệ đã và đang cách mạng hóa nền giáo dục toàn cầu. Chỉ cần hướng dẫn các giáo viên cách sử dụng công nghệ một cách thành thạo, chúng ta đã góp phần tăng cường một hệ thống giáo dục tri thức. Chỉ ra cho họ những tiềm năng thực sự của công nghệ sẽ đem lại những lợi ích thực sự như việc phát triển và hình thành tư duy cấp cao hơn ở học sinh và ở chính giáo viên: học tập độc lập và học tập suốt đời.

Để có thể hưởng lợi tốt nhất từ công nghệ, đại đa số các giáo viên hiện nay cần được trang bị các kỹ năng hiện đại, để giải quyết những vấn đề hiện đại. Để giúp các giáo viên có thể hiểu được những kỹ năng và vấn đề này, Điều phối viên Công nghệ Giáo dục tại UNCA¹ đã tạo ra một danh sách các thuật ngữ cơ bản liên quan đến ứng dụng công nghệ trong giáo dục. Đây là một số những thuật ngữ hữu ích, những từ khoá gợi ý quan trọng mà giáo viên nên tìm hiểu để có thể kết hợp chúng vào việc dạy học. Hãy nhớ rằng, mục tiêu đầu tiên của việc ứng dụng công nghệ là để cải thiện một khía cạnh cụ thể của việc dạy và học.

Các công cụ phần mềm - Software Tools: nhắm tới một chức năng cụ thể như xử lý văn bản, cơ sở dữ liệu, bảng tính, viễn thông, thuyết trình, tác giả, các chương trình vẽ đồ họa.

Các loại phần mềm - Software Types: được phân loại dựa trên mục đích sử dụng. Ví dụ,

¹ UNCA: University of North Carolina at Asheville - Đại học Bắc California, cơ sở Asheville

phần mềm với những câu hỏi trắc nghiệm có thể phù hợp với mục đích luyện tập, nhưng để thực hành hoặc mô phỏng, giáo viên lại cần phải tìm đến những phần mềm khác. Loại phần mềm được sử dụng sẽ được quyết định bởi câu hỏi tại sao ta lại cần đến chúng, khi nào, và làm thế nào để kết hợp chúng vào nội dung giảng dạy.

Hệ thống học tập tích hợp - Integrated Learning Systems: Là tên gọi chung cho những hệ thống giảng dạy được vận hành bởi máy tính. Giáo viên cần phải biết hệ thống cụ thể mà trường mình đang sử dụng bao gồm những cấu thành gì, làm cách nào để sử dụng từng cấu thành, khi nào thì sử dụng nội dung/ công cụ gì với từng bậc học, môn học cụ thể.

Các thiết bị số: Máy ảnh kỹ thuật số, máy quét, máy quay phim, máy ghi CD, máy tính, modem, máy in, VCR, máy chiếu LCD, đầu đĩa laser và các thiết bị khác. Giáo viên cần phải biết cách sử dụng chúng và cách chúng có thể được sử dụng hữu ích nhất trong lớp học, bài học.

Tích hợp đa phương tiện - Multimedia Integration: Không chỉ đơn giản là tìm kiếm những hình ảnh đồ họa, các tệp âm thanh, các đoạn phim... Sự kết hợp các sản phẩm đa phương tiện này để tạo ra sự lôi cuốn, nhịp nhàng cho bài trình bày hay làm cho các tài liệu học tập trở nên hấp dẫn hơn.

Hội thoại nhóm - Teleconference: Sử dụng các công cụ hội thoại hoặc kết nối video nhóm để kết nối các nhóm làm việc, bất kể thời gian, không gian, hoặc kết nối lớp học với các chuyên gia, các quốc gia khác.

Giáo dục từ xa - Distance Education: định nghĩa về giáo dục từ xa, các phương tiện cần thiết, cách tổ chức các hình thức đào tạo từ xa, cách thiết kế các khóa học, loại hình học tập và giảng dạy, kỹ thuật cần thiết để thực hiện và tại sao cách học này tương thích với các cấp học hiện nay.

Cấu hình lớp học - Classroom Configurations: các chỉ dẫn cần thiết cho việc cấu hình lớp học với các trang bị và kỹ thuật sử dụng công nghệ tốt nhất trong lớp học. Hầu hết các lớp học đều cần phải có công nghệ đa phương tiện từ máy tính cá nhân, các thiết bị máy chiếu, quét... Điều này đòi hỏi giáo viên cần phải có khả năng nhanh chóng thích nghi, biết cách sử dụng và truy cập phần mềm khi cần thiết. Một ví dụ điển hình là giáo viên phải “biết” cách sử dụng

internet, các chương trình phần mềm thích hợp với nội dung giảng dạy và trình chiếu được sử dụng xuyên suốt và lồng ghép trong các phương pháp dạy học của họ. Còn đối với học sinh cũng cần phải được trang bị các kiến thức và trang thiết bị tương tự, điều đó có thể giúp tính tương tác được tăng lên rất nhiều.

Web Board - Bảng trực tuyến: Web Board là tên gọi cho các ứng dụng web mà người dùng có thể đăng tải tin nhắn, những phần hướng dẫn, các thông tin và chủ đề thảo luận. Giáo viên sẽ được hướng dẫn sử dụng cụ thể từng bước từ việc thiết lập các nhóm thảo luận, gửi các bài tập, bài đọc cho học sinh đến cách học sinh sẽ nộp hoặc đăng bài tập của mình lên trên nền tảng này.

Các trang web: Tạo một trang web thế nào? Cách sử dụng chúng trong giảng dạy và lợi ích của việc sử dụng trang web trong dạy học? Các trang web ngoài việc có nhiều chức năng để hiển thị thông tin, tăng cao khả năng tương tác của người dạy và học còn giúp nâng cao tính chủ động của người học.

Internet: Khái niệm, cách sử dụng internet một cách thông minh và sự kết hợp hoàn hảo vào quá trình dạy và học. Điều này sẽ đòi hỏi các giáo viên cần biết cách tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng đồng thời phải biết phân tích và đánh giá độ chính xác của nguồn thông tin tìm được. Quan trọng nhất giáo viên cần phải hiểu một cách sâu sắc ảnh hưởng mạnh mẽ của hệ thống internet đến hoạt động dạy học và trên cơ sở đó có thể tìm ra được phương án tối ưu.

Điểm lại phần mềm và đánh giá - Software Review and Evaluation: Đối với mỗi cấp lớp cụ thể, mỗi lĩnh vực nội dung giáo viên cần biết cách lựa chọn phần mềm sao cho hiệu quả nhất, hiểu cách đánh giá tính hiệu quả của phần mềm này và tìm kiếm thêm các phần mềm khác cũng có chức năng tương tự để gom thành một nhóm chung mục đích sử dụng. Giáo viên cần phải sử dụng thành thục các nhóm phần mềm này để có thể đưa ra nhiều tùy biến thích hợp cho từng nhóm đối tượng học sinh cụ thể.

Tích hợp công nghệ - Integration of Technology: Đầu tiên giáo viên cần hiểu một cách sâu sắc ba cấu hình công nghệ sẵn có - hỗ trợ, tích hợp và độc lập. Tiếp theo phải đưa ra sự lựa chọn những công nghệ nào sẽ sử dụng bằng cách trả lời được câu hỏi "tại sao việc sử dụng công nghệ này là tốt nhất cho người dạy

và học?". Bên cạnh đó, giáo viên cũng cần lưu ý khả năng chuyển đổi các công nghệ dạy học một cách linh hoạt cũng là điều rất cần thiết.

Thiết kế và xây dựng tài liệu giảng dạy: Giáo viên cần biết rằng đối với mỗi nhóm học sinh cần phải sử dụng cách thiết kế và tạo ra nhiều tài liệu giảng dạy khác nhau nhằm đem lại lợi ích tối đa cho hoạt động dạy và học. Điều này đòi hỏi người dạy cần hiểu các nguyên tắc thiết kế, cách tạo ra các tài liệu đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học, những tài liệu mang tính chỉ dẫn và việc sử dụng các tài liệu này trong việc dạy học. Tài liệu giảng dạy mà giáo viên thiết kế sẽ rất đa dạng về chủng loại cũng như hình thức, nó có thể là một tài liệu trên bảng tin, hoặc một tấm phim trong để sử dụng trong overhead hay thậm chí cho những công cụ trình chiếu hiện đại hơn như PowerPoint, HyperStudio và các trang web.

Vấn đề pháp lý và đạo đức: Những vấn đề này có thể là vấn đề bản quyền và việc truy cập cũng như sử dụng thông tin một cách hợp pháp. Giáo viên cần phải nâng cao nhận thức của chính mình và học sinh làm sao để tất cả mọi người đều hiểu và thực hiện tốt việc tôn trọng luật bản quyền và tính hợp pháp của việc truy xuất hoặc tìm kiếm nguồn thông tin, dữ liệu.

Các phần mềm và phần cứng mới: Giáo viên cần không ngừng tìm tòi và nâng cao trình độ về sử dụng công nghệ, liên tục cập nhật kiến thức của mình để theo kịp được sự tiến bộ hoặc thay đổi mạnh mẽ từng ngày của các công cụ hoặc tài liệu giảng dạy. Điều này sẽ rất hữu ích cho hoạt động dạy và học.

Câu hỏi và vấn đề cốt lõi, chuyên sâu: Vai trò của công nghệ trong giáo dục là gì? Công nghệ nên được sử dụng như thế nào cho việc dạy và học? Nó nên được sử dụng lúc nào? Những nhóm người học (phong cách học tập, lứa tuổi, mức độ khả năng, giới tính, vv) có thể được hưởng lợi ích gì từ những loại công nghệ nào? Công nghệ ảnh hưởng như thế nào và cách chúng ta dạy? Công nghệ ảnh hưởng đến lối sống của chúng ta và toàn bộ hệ thống giáo dục của chúng ta như thế nào? Chúng ta có nên xây dựng lại hệ thống giáo dục vì công nghệ không? Hệ thống giáo dục nên trông như thế nào trong vài năm tới vì những tiến bộ trong công nghệ hiện nay?



LOẠI HÌNH CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC

Nguyễn An Quyền
tổng hợp từ BrainCert Academy

Công nghệ giáo dục là sử dụng hiệu quả các công cụ công nghệ vào quá trình học tập. Theo định nghĩa, công nghệ giáo dục đề cập đến một loạt các công cụ như các phương tiện truyền thông, máy móc, thiết bị mạng, bên cạnh đó là các phương thức để ứng dụng hiệu quả công nghệ vào thực tế giảng dạy.

Công nghệ giáo dục bao gồm các phương tiện truyền thông với khả năng truyền tải chữ viết, âm thanh, hình ảnh, hoạt ảnh, video trực tuyến; các ứng dụng công nghệ như băng ghi âm, ghi hình, TV vệ tinh, CD-ROM, đào tạo trên nền tảng máy tính, nền tảng web và các mạng nội bộ, mạng diện rộng (Intranet/Extranet). Các hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông, dù độc lập hay dựa trên các hệ thống mạng Internet hoặc mạng nội bộ, đều phải dựa trên nhiều quy trình đào tạo trực tuyến (e-learning).

Đồng bộ và bất đồng bộ

Việc học tập có thể được tổ chức trong hoặc ngoài lớp học. Người học có thể học theo tốc độ riêng, không cùng thời điểm (bất đồng bộ) hoặc có thể được giảng dạy trực tiếp bởi giáo viên (đồng bộ). Sự kết hợp giữa phương pháp học từ xa và dạy học trực tiếp (face-to-face) được gọi là học tập hỗn hợp (blended learning). Lớp học ảo có thể được sử dụng bởi cả người học và người dạy tại nhà, trường học (đối với chương trình K-12 hoặc cao học), doanh nghiệp và các trường hợp khác cần sự phối hợp trực tuyến hiệu quả.

Các công cụ đào tạo có thể tạo ra sự đồng bộ hoặc bất đồng bộ. Học đồng bộ là khi tất cả người tham gia cùng tương tác trong thời gian thực. Trong khi đó, người học bất đồng bộ được học theo tốc độ riêng của mình, mỗi người tham gia có thể tương tác và trao đổi thông tin mà không phụ thuộc vào sự tham gia của những người khác tại cùng một thời điểm.

Học đồng bộ có nghĩa là việc trao đổi ý kiến và thông tin với một hoặc nhiều người diễn ra tại cùng một thời điểm. Ví dụ như các cuộc trao đổi trực tiếp, giảng dạy trực tuyến với giáo viên trực tiếp tương tác, phản hồi, hội thoại Skype, phòng chat hay lớp học ảo với tất cả người tham gia đều trực tuyến và phối hợp cùng lúc. Vì các học viên được phối hợp với nhau, việc học đồng bộ giúp học viên cởi mở hơn khi phải nghe và học từ chính bạn học. Học đồng bộ cũng giúp tăng nhận thức trực tuyến và cải thiện kĩ năng viết của người học.

Việc học bất đồng bộ sử dụng các công nghệ như email, blog, bách khoa toàn thư (wiki), bảng tranh luận, sách giáo khoa & văn bản trực tuyến, các khóa học ghi âm hoặc video, mạng xã hội nền web. Trong các khóa học trực tuyến bất đồng bộ, học viên có thể học theo tốc độ riêng. Học viên có thể nghe một bài giảng hai lần, dành thời gian để nghĩ về một câu hỏi mà không lo làm chậm lớp học. Qua các lớp học trực tuyến, học viên có thể đạt bằng cấp nhanh hơn, có thể học lại mà không ngại việc học chung với các học viên ít tuổi hơn. Học viên có thể tiếp cận rất nhiều các khóa học đa phương tiện khi học trực tuyến, đồng thời học các khóa ở đại học, đi thực tập, chơi thể thao hay làm việc mà vẫn có thể tốt nghiệp lớp học.

khác. Các câu hỏi dễ dàng được ghi lại và lưu trữ thông qua phần mềm trực tuyến, cung cấp ngay lập tức kết quả cũng như trạng thái hoàn thành khóa học của người học. Người dùng thường có thể in các chứng chỉ hoàn thành sau khi kết thúc khóa học.

CBT có thể kích thích việc học nhiều hơn so với các phương pháp học tập truyền thống từ sách giáo khoa, hướng dẫn sử dụng hoặc hướng dẫn qua các lớp học. CBT có thể là một lựa chọn thay thế tốt cho các tài liệu học tập bản cứng bởi CBT có thể kết hợp các công cụ đa phương tiện, gồm cả video hay hình ảnh động để nâng cao chất lượng học tập.



Học tập tuyến tính

Hình thức dạy học/đào tạo trên máy tính (Computer-Based training, hay CBT) đề cập đến các hoạt động học tập chủ động theo tốc độ tiếp thu cá nhân, được thực hiện trên máy tính hoặc các thiết bị cầm tay như máy tính bảng hay điện thoại thông minh. Khởi nguyên của chương trình đào tạo CBT được thực hiện thông qua việc lưu trữ và phân phối nội dung thông qua CD-ROM và thường trình bày nội dung tuyến tính, tương tự như đọc một cuốn sách hay hướng dẫn trực tuyến. Vì lý do này, CBT thường được sử dụng để dạy các quy trình tĩnh, chẳng hạn như cách sử dụng phần mềm hoặc hướng dẫn hoàn thành các phương trình toán học. Giảng dạy qua máy tính được hiểu giống như đào tạo qua web (WBT) - phương thức đào tạo thông qua Internet bằng trình duyệt web.

Đánh giá học tập trong đào tạo CBT thường là các loại đánh giá có thể dễ dàng chấm điểm bằng máy tính như câu hỏi trắc nghiệm, kéo và thả, mô phỏng hoặc các phương tiện tương tác

Học tập hợp tác

Học tập hợp tác thông qua máy tính (Computer-supported collaborative learning, hay **CSCL**) sử dụng các phương pháp giảng dạy được thiết kế nhằm khuyến khích hoặc yêu cầu học sinh làm việc cùng nhau trong các nhiệm vụ học tập. **CSCL** tương tự như khái niệm về thuật ngữ, “e-learning 2.0” (học trực tuyến) và “networked collaborative learning” (NCL, hay học tập hợp tác theo mạng lưới).

Với công nghệ Web 2.0, việc chia sẻ thông tin giữa nhiều người trong một mạng lưới đã trở nên dễ dàng và phổ biến hơn. Một trong những lý do chính cho việc gia tăng sử dụng công nghệ này là bởi nó được cho là “cái nôi phát triển những nỗ lực giáo dục sáng tạo và hấp dẫn”.

Sử dụng các công cụ xã hội Web 2.0 trong lớp học cho phép học sinh và giáo viên làm việc cộng tác, thảo luận ý tưởng và đẩy mạnh thông tin. Các công cụ cộng tác có thể chuẩn bị cho sinh viên các kỹ năng công nghệ cần thiết trong thị trường lao động hiện nay.

Ed

Một suy nghĩ vụn

Dương Trọng Tấn*

Dẫn số liệu phân tích của PISA¹, báo cáo công phu hơn 200 trang của OECD có tên “Học sinh, máy tính và sự học: Tạo lập kết nối” công bố cuối năm 2015 nhận định: “Việc dùng máy tính có giới hạn trong trường học có thể dẫn đến kết quả tốt hơn so với không dùng chút nào, nhưng việc sử dụng quá nhiều (vượt mức trung bình của các nước OECD) lại có biểu hiện thành tích học tập giảm sút nghiêm trọng” và “Kết quả học tập chỉ tốt hơn trong một số bối cảnh cụ thể, trong đó phần mềm và việc kết nối Internet giúp gia tăng thời gian học tập và thực hành”. Trong khi tình hình giáo dục dường như khủng hoảng ở khắp nơi, và giới đổi mới giáo dục dựa vào công nghệ có rất nhiều nỗ lực, vai trò của công nghệ giáo dục (EdTech) dường như vẫn còn rất hạn chế, mặc kệ cho hàng trăm triệu Mỹ kim đã đổ vào những cái tên mới nghe thôi nhiều người đã thấy phần khởi trong lòng: Khan Academy, Duolingo, Coursera, edX, Dreambox...

Tại Hà Nội, bức tranh có vẻ cùng một tông màu. Các đơn vị khởi nghiệp giáo dục dựa vào công nghệ vẫn chưa thực sự trở thành những bánh đà lớn đã vào guồng để cuốn một lực lượng lớn làm giáo dục đi theo con đường mới, mà chỉ vón vụn ở mức “tiềm năng”, và “của thì tương lai”. Những cái tên rất nổi tiếng như Topica, Edumall,

Kyna, Elsa, Monkey Junior, ViOlympic gần như vẫn đang phải tìm lời giải cho vấn đề hướng đi và tăng trưởng hơn là tập trung giải quyết các bài toán kinh điển của giáo dục: lớp học thiếu năng động, khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho mọi người, phá vỡ sức ỳ của hệ thống giáo dục công, cá nhân hóa để giải phóng năng lực học tập của học sinh, phát triển lực lượng giáo viên hiện đại tự chủ giàu kĩ năng, vân vân.

Một vài doanh nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực EdTech nội địa cho tôi hay rằng “cảm nhận chung, hiện nay chỉ có nội dung ôn thi là dễ sống, còn lại các sáng kiến chệch khỏi quỹ đạo ôn thi đều khó khăn”. Tôi thấy có phần nào đó là sự thật, dù cho việc thừa nhận này khiến tôi không thoải mái lắm.

Đâu đó một vài trường phổ thông tân tiến tại Hà Nội đã bắt đầu tìm kiếm các giải pháp giáo dục công nghệ để “gia tăng sức cạnh tranh” cho trường của mình. Họ đưa vào một vài giải pháp để số hóa việc quản trị, mua về một vài dịch vụ nội dung số (ngoại ngữ, Khoa học là chủ yếu) để luyện tập thêm, bổ sung kiến thức ở trên lớp. EdTech chưa phải là món chính, mà vẫn chỉ là “món phụ” trong thực đơn chương trình giáo dục.

Tại sao EdTech lại kém hấp dẫn như vậy? Nhà quản lí giáo dục thì tương đối nhạy cảm và thích cái mới? Nhiều bằng chứng cho thấy là có những EdTech rất hấp dẫn học sinh. Phải chăng nó chưa chạm được tới con tim của giới giáo viên - lực lượng trực tiếp nhất tạo ra kết quả nếu EdTech có được tiếp cận ở phương diện nào đấy? Phải chăng các nhà làm chính sách, các nhà quản lí, các lực lượng đổi mới đang cố sù cho EdTech còn đặt giáo viên nằm ngoài vòng thảo luận và hành động?

Bản thân là người đóng nhiều vai, vừa là người trực tiếp đứng lớp, có lúc lại “sản xuất nội dung elearning”, có lúc lại là một tay vác tù và hàng tổng để “hô hào”, có lúc lại phải sắm vai “người kinh doanh” dựa trên công nghệ giáo dục, tôi thường xuyên phải đặt đi đặt lại câu hỏi “EdTech có thể làm gì?”, năm này qua năm khác. Câu trả lời lúc nào cũng đầy rẫy những cơ hội.

Trong bối cảnh học sinh đã bị “lên cho đầy lịch”, và gần như không có quyền lựa chọn khi nào học khi nào không, tôi xin thu hẹp lại câu hỏi để bám đuổi đối tượng quan trọng bậc nhất: *EdTech có thể giúp giáo viên những gì?*

¹ OECD (2015), Students, Computers and Learning: Making the Connection, PISA, OECD Publishing.

* Dương Trọng Tấn là nhà sáng lập Học viện Agile, là một trong những người tiên phong trong việc truyền bá tri thức Agile tại Việt Nam với việc sáng lập AgileVietnam. Anh từng là giảng viên, Giám đốc dự án Công nghệ Giáo dục tại Đại học FPT, Giám đốc điều hành Hệ thống đào tạo lập trình viên quốc tế Aptech.

“cảm nhận chung, hiện nay chỉ có nội dung ôn thi là dễ sống, còn lại các sáng kiến chệch khỏi quỹ đạo ôn thi đều khó khăn”

Chúng ta có thể nhìn thấy cơ hội rất lớn và hiển hiện cho ít nhất hai phương diện. Thứ nhất là phát triển năng lực giáo viên. Chỉ cần một chút ngoại ngữ, bạn có thể tận dụng một nguồn tài nguyên giáo dục gần như là vô tận để bồi dưỡng năng lực và phục vụ trực tiếp cho công việc giáo dục của chính mình. Mọi người có thể dễ dàng đăng kí học miễn phí một loạt khóa học chất lượng rất cao về đủ thể loại chủ đề giáo dục trên Coursera hay edX, tới hàng trăm chương trình đào tạo kĩ năng làm việc, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng quản lí, hay các chuyên đề rất sâu cũng trên các cổng giáo dục MOOC đó, hay trên các “chợ nội dung” toàn cầu như Lynda, Pluralsight hay Udemy. Thậm chí không cần giỏi ngoại ngữ, bạn vẫn có thể nhờ công cụ dịch thuật của Google để có thể tiếp cận hàng loạt tài nguyên giáo dục mở dưới dạng văn bản rất có chất lượng trên Internet. Chưa bao giờ việc học tập suốt đời lại dễ và rẻ như bây giờ. Google đã ngày càng thông minh hơn, nhiều EdTech cũng đã thông minh hơn rất nhiều, rào cản ngôn ngữ đang không còn trở thành đáng kể nữa. Thứ nhì là vấn đề về tài nguyên học tập. Bạn có thể làm giàu thêm trải nghiệm học tập của học sinh mình thông qua sử dụng hàng loạt các dịch vụ nội dung và công cụ tương tác do các EdTech hàng đầu cung cấp, từ miễn phí như Khan Academy, Code.org, Duolingo, Gooru, ClassDojo cho tới các dịch vụ trả phí rất tốt như IXL, Dreambox... Nếu bạn thấy bế tắc với đường lối giáo dục hiện nay, hay bạn cảm thấy sách giáo khoa chưa đủ tốt, bạn dễ dàng tìm thấy một gợi ý hoặc thậm chí là toàn bộ giải pháp với EdTech nào đó.

Nếu chỉ là các vấn đề thuộc phạm vi chuyên môn giảng dạy và học tập, cái mà từng giáo viên dễ bề ra quyết định nhất, EdTech có thể khiến một giáo viên thay đổi căn bản và toàn diện trong thời gian không quá dài. Bạn không cần phải có ai cho phép để tự học lấy một kĩ năng mới cho chính mình, bạn gần như không tốn kém gì mấy để thử nghiệm một vài nội dung học tập mới, một hai phần mềm công cụ mới giúp việc học nó hấp dẫn hơn.

Nhưng phải chăng còn thiếu một cú hích nào đó để sự thay đổi diễn ra? Tại sao rất nhiều giáo viên không có những cuộc “tự diễn biến” nào ngay cả khi nhận thức được là cần phải thay đổi? Có phải là vì quá bận với việc hoàn thành cho đủ những nhiệm vụ bài vở? Phải chăng giáo viên còn quá bận với mưu sinh? Phải chăng sức nặng của “các cấp” không cho phép bạn làm gì? Hay đơn giản là giáo viên thấy đổi mới và cải tiến giảng dạy là vấn đề của người khác?



ĐỀ ÁN SỐ KHÔNG – ½ THẾ KỶ ĐÀO SÂU VỀ TRÍ THÔNG MINH, TƯ DUY VÀ HỌC TẬP

Hoàng Anh Đức*



Khi đắm chìm vào những cuộc tranh luận về tiêu chuẩn nội dung, chương trình giảng dạy, chiến lược giảng dạy..., thật dễ dàng để chúng ta bị lạc hướng và quên mất mục tiêu mà mọi nền giáo dục đều theo đuổi – giúp người học có khả năng tự học và nâng cao hiểu biết về thế giới, về cả mặt định tính và định lượng. Đề án Số không – Project Zero (PZ) là một sáng kiến được sinh ra để tìm hiểu về cách mà những nhà giáo dục đã làm tốt việc giảng dạy để người học nâng cao hiểu biết thực sự thế nào. Bài viết này tóm lược lại những mảng hoạt động mà PZ nhắm tới để người đọc có thể hình dung về một quá trình cải tổ giáo dục bền bỉ đã và đang diễn ra thế nào.

* Hoàng Anh Đức là Giám đốc Học thuật hệ thống trường PTLC Quốc tế Gateway, là một trong những người tiên phong trong việc phổ cập PBL (Project-based Learning - Học tập qua Dự án) tại Việt Nam từ năm 2013. Anh cũng là chuyên gia tư vấn cho nhiều tổ chức trong nước và quốc tế trong lĩnh vực Quản trị Giáo dục, Quản trị Dự án.

Câu chuyện nửa thế kỷ qua của PZ là câu chuyện về sự ảnh hưởng của nghệ thuật và giáo dục. Vai trò của nghệ thuật trong giáo dục, và bản chất của việc học tập trong nghệ thuật và học tập qua nghệ thuật là quan niệm khởi thủy của PZ, quan niệm vẫn ảnh hưởng tới các dự án ngày nay cũng như các dự án trong tương lai, khi nghệ thuật vẫn được coi là trọng tâm của các nghiên cứu.

Thiếu đi bóng dáng của nghệ thuật, lối hình thành sự hiểu biết một chiều thật không quá khó để có thể tìm thấy và quan sát trong các lớp học ngày nay. Giáo viên ít khi tập trung vào nhận thức bởi đã quá bận bịu với việc truyền tải kiến thức. Cũng có những giáo viên cấp tiến thảo luận với học sinh về sự nhận thức, nhưng lại cũng thường đơn giản hoá khái niệm bằng cách chỉ mô tả một phần của nó – suy nghĩ về sự suy nghĩ. Các thầy cô cố gắng làm cho học sinh tạm dừng lại, ghi nhớ cách thức và lý do tại sao các em đang suy nghĩ và xem xét quá trình suy nghĩ như một hành động mà học sinh đang thực hiện. Thế nhưng, hai thành phần cốt lõi của sự nhận thức thường bị gạt ra khỏi các cuộc thảo luận này: *Giám sát tư duy*; *Chỉ đạo tư duy*. Khi học sinh đọc và dừng lại để nhận ra rằng mình không thực sự hiểu ý nghĩa đằng sau những từ đó, đó là sự *Giám sát tư duy*. Sau đó, quá trình *Chỉ đạo tư duy* xảy ra khi cậu ta huy động những chiến lược tư duy cụ thể để chuyển hướng, hoặc thách thức suy nghĩ của riêng mình. Sự kết hợp hai quá trình đó chính là quá trình nâng cao hiểu biết, mà trọng tâm là rèn luyện nhận thức, với công cụ là các kiến thức thu nhận được. Quá trình đó là trọng tâm nghiên cứu của PZ: “Học cách để nghĩ, và nghĩ cách để học” (Learn how to think, and think how to learn).

Project Zero – *Đề án Số không* được sáng lập bởi Triết gia Nelson Goodman vào năm 1967 tại Khoa sau đại học về Giáo dục, Đại học Harvard với sự tài trợ của Bernard van Leer, một tổ chức quốc tế phi lợi nhuận đặt tại The Hague, thủ đô hành chính của Hà Lan¹. PZ bắt đầu với các nghiên cứu tập trung vào việc thấu hiểu quá trình học tập trong nghệ thuật, và thông qua nghệ thuật. Bước sang tuổi 50 vào năm 2017, Đề án Số không đã triển khai nhiều dự án nghiên cứu, tìm hiểu và nâng cao khả năng học, suy nghĩ và sáng tạo đối với các môn nghệ thuật, nhân văn, cũng như các môn khoa học, ở cả cấp độ cá nhân và cấp độ tổ chức. Các công trình của đề án đã đưa ra nhiều quan điểm, học thuyết đa dạng để kiểm tra các giả thiết cơ bản về các biểu hiện và quá trình phát triển của con người. Các nỗ lực nghiên cứu khởi đầu từ niềm đam mê cho những câu hỏi lớn đã mở rộng các chủ đề nghiên cứu tới những vấn đề đương đại của các thể chế giáo dục, bao gồm cả nhà trường, gia đình, các bảo tàng hay các doanh nghiệp, từ thấu hiểu

2 <http://www.pz.harvard.edu/who-we-are/history>

và sáng tạo cho tới học tập liên ngành và đạo đức, thông qua tình yêu nghệ thuật.

Ngày nay, PZ giống như một suối nguồn tri thức, nuôi dưỡng những sự tò mò về tính phức tạp của tiềm năng con người, bao gồm trí thông minh, sự hiểu biết, tư duy, tính sáng tạo, tư duy liên ngành, tư duy đa văn hoá – và khám phá những cách bền vững để hỗ trợ những cấu thành trên trong những bối cảnh đa chiều và đa dạng. Gắn chặt với các nền tảng nghệ thuật và nhân văn, PZ có những cam kết chặt chẽ về cả lý thuyết và thực hành để hướng tới một quá trình, một hệ thống giáo dục khai sáng hơn, với sự chuẩn bị tốt nhất để người học sống, làm việc và phát triển.

Hiện tại, PZ đang triển khai 9 trọng tâm nghiên cứu, bao gồm: *Nghệ thuật và Giáo dục*; *Định hình lại việc đánh giá*; *Phát triển sự hiểu biết*; *Tính cách và đạo đức*; *Vai trò công dân*; *Sự sáng tạo*; *Các khuynh hướng tư duy*; *Các năng lực toàn cầu*; và *Các loại hình thông minh*.

Nghệ thuật và Giáo dục

PZ đặt ra những nghi vấn, khám phá đối với quá trình sáng tác một tác phẩm nghệ thuật. Những người nghệ sĩ cụ thể hoá quá trình học tập của mình bằng một sản phẩm hiện hữu. Đổi lại, tác phẩm của họ kích thích sự tò mò và gợi mở những thắc mắc mới trong lòng người khác, dẫn họ tới những hiểu biết sâu sắc hơn. Chu trình nghi vấn, khám phá và học tập là tất yếu trong tất cả những trải nghiệm nghệ thuật thực thụ.

Nghiên cứu của PZ về nghệ thuật và giáo dục tập trung vào hai câu hỏi chính: Các khía cạnh của nhận thức về sự gắn kết trong nghệ thuật có thể giúp con người phát triển trong các lĩnh vực khác thế nào? Làm thế nào để việc quan sát chậm rãi giúp cho quá trình học tập và thấu hiểu trở nên sâu sắc hơn?

Định hình lại việc đánh giá

PZ xem đánh giá là một phần của quá trình học tập. Quá trình định hình lại việc đánh giá của PZ liên quan tới việc thay đổi một số khái niệm truyền thống: đánh giá cả quá trình cũng như thành quả (khi nào, cái gì); giáo viên và học sinh đều là nhân vật chính trong quá trình đánh giá (ai); việc đánh giá được thúc đẩy bởi các mục tiêu quan trọng nhất cho học sinh, dù cho các con số có thể hiện được nó hay không (tại sao); và đánh giá là một quá trình để thu nạp và xây dựng các mối quan hệ (như thế nào, ở đâu).

Trong khi việc đánh giá thường tập trung vào kết quả cá nhân và các thành tích, thì các tài liệu về quá trình học tập của cá nhân và nhóm giúp cho cuộc hành trình dạy và học trở nên phong phú hơn bởi những cuộc hội thảo luận mẽ và đầy ý nghĩa. Bởi vậy, PZ

muốn trả lời các câu hỏi: Các đặc tính của một quá trình đánh giá thực sự hiệu quả là gì? Việc đánh giá này được ghi nhận như thế nào? Làm thế nào để quan sát và ghi nhận những sự thay đổi về bản chất của quá trình học tập?

Phát triển Sự hiểu biết

Nghiên cứu của PZ đề xuất một khái niệm gắn liền với thành quả - Sự hiểu biết. Nói cách khác, sự hiểu biết là khả năng thực hiện linh hoạt các kiến thức đã có trong các tình huống mới lạ. Điều này có vẻ gần giống với khái niệm mà ta vẫn hay gọi là “tính sáng tạo” trong thang đo của Bloom. Sự hiểu biết mà PZ nghiên cứu bao gồm khả năng chuyển giao, tái cơ cấu các khái niệm thay vì chỉ tiếp nhận thêm thông tin. Đó là một quá trình mang tính đại diện, một nhiệm vụ được thực thi bởi người học chứ không phải là một thành tựu. PZ tìm kiếm sâu hơn về những thách thức, cũng như những cách mà giáo dục có thể hỗ trợ sự phát triển những hiểu biết sâu sắc.



Tính cách và đạo đức

Trải qua nhiều năm, các nghiên cứu của PZ quan sát sự phát triển của tính cách và đạo đức từ thuở ấu thơ cho tới khi chúng có thể nhận diện rõ ràng hơn nơi công sở, hay trong những cộng đồng rộng lớn hơn. PZ đã nhận thấy rằng một công việc tốt là một công việc không chỉ xuất sắc về chất lượng đầu ra, mà còn có sự gắn kết của những cá nhân tham gia, những người thực hiện nó một cách đạo đức.

Một sự nhận biết bao quát về trách nhiệm sẽ giúp mở rộng phạm vi ảnh hưởng của một hành động tới những cộng đồng khác nhau, cũng như đem lại sự nhận biết đủ đầy hơn với các tác động đạo đức của các quyết định được thực thi. Bằng cách trau dồi mạnh mẽ ý thức về đạo đức thông qua quá trình phản tỉnh, chúng ta có thể học hỏi từ những sai lầm và tiếp cận các tình huống khó xử trong tương lai với cái nhìn bao quát hơn.

“Một tính cách tốt” có phải là một vai trò mà người ta có thể giả định nhất thời, hay là một hiện tượng phát triển phức tạp trong một quá trình lâu dài? Tính cách có trở nên tốt hơn như thể nó là một phần của bản sắc một con người, hay đó là một tập hợp các vai trò mà một người giả định rằng anh ta/ cô ta là như vậy, cả trên mạng và trong đời sống hàng ngày, trong suốt cuộc đời? Đó chính là một chủ đề lớn khác mà PZ không ngừng khám phá.

Vai trò công dân

Các nghiên cứu của PZ coi các vai trò công dân như một nguồn lực đa diện, một tập hợp các kỹ năng và xu hướng để hỗ trợ một con người tham gia kết nối với thế giới đương đại. Bằng việc hỗ trợ người học trở nên hiệu quả hơn và phản ánh những thay đổi tích cực của xã hội, PZ mở rộng nhân sinh quan của họ về ai, cái gì, và nơi nào sẽ diễn ra những hoạt động gắn kết người công dân. Đồng thời, PZ cũng chuẩn bị cho người học có thể tham gia sâu sắc vào chính cộng đồng của mình, đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng, cả trên mạng và ngoài đời thường.

Nghiên cứu về các vai trò công dân bao gồm việc lắng nghe những quan điểm đa dạng, tưởng tượng, cổ súy, và xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Trẻ em không chỉ là những công dân tương lai, những công dân trong quá trình đào tạo, mà đúng hơn là những công dân của thực tại, ở đây và bây giờ, với quyền bày tỏ ý kiến và tham gia vào đời sống dân sự và văn hoá trong cộng đồng của mình. Các nghiên cứu này trả lời câu hỏi như: Làm thế nào để thế giới số có thể hiện hữu những cơ hội và rủi ro tích cực cho tiến trình phát triển và ban hành các đạo luật dân sự? Các chuyển biến sự phạm cụ thể có thể hỗ trợ sự phát triển các kỹ năng, khuynh hướng và chức năng công dân ở trẻ em trong độ tuổi đi học thế nào?

Sự sáng tạo

PZ nghiên cứu tính sáng tạo như một hành động mang tính cá nhân trong các phát minh của nhân loại qua việc đào sâu vào những bức chân dung riêng biệt của “những người không lồ sáng tạo”. Các nghiên cứu nhìn nhận cách suy nghĩ đột phá, các nhận thức sâu sắc diễn ra trong quy trình sáng tạo của các nghệ sĩ. Từ đó, các giả thiết về sự sáng tạo trong các hệ thống phức hợp được đưa ra.

Đồng thời, PZ định nghĩa sự sáng tạo như một cấu trúc văn hoá. PZ khám phá cách các công việc sáng tạo được tiến hành và cách mà cả kiến thức lẫn nhận thức được phân phối trên các đối tượng, cá nhân, tạo tác và công cụ trong môi trường. Nhận định rằng sự sáng tạo tồn tại nơi giao thoa của cá nhân, chuyên ngành và môi trường, PZ nỗ lực trả lời những câu hỏi: Làm thế nào để quá trình thực hành giáo dục hỗ

trợ tốt hơn cho các quy trình nhận thức sáng tạo và tư duy phê phán bậc cao? Sự sáng tạo trong tương lai sẽ trông ra làm sao?

Các khuynh hướng tư duy

PZ tin rằng tư duy tốt là tư duy có khuynh hướng rõ ràng, có thể nhìn thấy và phân biệt được. Tất cả động lực, thái độ, giá trị và thói quen của tâm trí đều đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành một tư duy tốt. Các cấu thành này xác định khả năng mà một người có thể sử dụng kỹ năng tư duy của mình khi cần thiết.

Học tập là kết quả của quá trình tư duy, nên phát triển văn hoá tư duy là điểm mấu chốt nếu ta muốn tạo ra cảm xúc, năng lượng và thậm chí là những niềm vui để thúc đẩy quá trình học tập. Thêm vào đó, tư duy có khuynh hướng sẽ thúc đẩy người học thực thi những hành động cụ thể, cần thiết vào những thời điểm mà trí não bị thách thức thực sự. Để hiểu sâu hơn về các khuynh hướng tư duy, PZ trả lời những câu hỏi: Cần làm gì để tư duy tốt đem lại quá trình học tập tốt? Làm cách nào để chúng ta có thể hỗ trợ sự phát triển của các khuynh hướng tư duy một cách bền vững, để chúng có thể bộc lộ qua thời gian, tại những trạng thái tư duy khác nhau?

Các năng lực cạnh tranh toàn cầu

Mỗi thế hệ loài người đều phải đối mặt với những thử thách về tính sáng suốt và thực tế của các năng lực cần có. Khuynh hướng phát triển các năng lực của thế giới đóng vai trò quan trọng bậc nhất trong việc nuôi dưỡng thế hệ trẻ tuổi tại từng thời kỳ lịch sử nhất định. Gần đây, ta có thể liên tục đọc được các tuyên bố về “Những kỹ năng cần thiết nhất cho tới năm 2030, 2050...”. Những tuyên bố như vậy có thể được dự đoán từ việc thiếu hụt các kỹ năng đó hay một bản thể thấp hơn của nó trong hiện tại hoặc trong tương lai gần.

Không phân tích tuyến tính sự thiếu hụt trong hiện tại, PZ nghiên cứu các năng lực cạnh tranh dựa trên việc xem xét các quan điểm, giả định về cuộc sống hàng ngày của chính chúng ta và những người khác trên khía cạnh kiếm tìm và trao đổi văn hoá. Việc quan sát và lắng nghe thế giới một cách cẩn thận là chìa khoá để khám phá thế giới đa dạng trong thời đại tràn ngập thông tin của truyền thông xã hội.

Để hình thành tư duy mang tính toàn cầu và năng lực toàn cầu, cần có sự cấu thành của các khía cạnh như nhận thức, cảm xúc xã hội và đạo đức trong quá trình học sinh khám phá thế giới, nhận ra các quan điểm, truyền đạt các ý tưởng và triển khai hành động. Các câu hỏi mà PZ quan tâm là: Làm thế nào để chúng ta có thể chuẩn bị cho thế hệ trẻ một cách tốt nhất với

những nhu cầu liên tục thay đổi của cuộc sống trong thế giới kết nối và bất kết nối này? Làm thế nào để chúng ta có thể tiến triển một cách kỹ lưỡng và trân trọng để mở rộng những cơ hội toàn cầu, và sự hiểu biết liên văn hoá cho trẻ em?

Các loại hình thông minh

Có lẽ đề tài tiên phong này là nổi tiếng nhất trong các công trình của PZ, được thực hiện bởi Howard Gardner và David Perkins (1983). Đến 9/6/2018, nghiên cứu đạt hơn 54,000 lượt trích dẫn, tính theo Google Scholar. Nghiên cứu đã phá vỡ hàng thập kỷ của tâm lý học truyền thống, vốn được xây dựng trên các khái niệm bẩm sinh và đơn nhất về trí thông minh của con người. Công trình thách thức quan điểm phổ biến rằng trí thông minh là cố định, đồng nhất và có thể được đo bằng các bài kiểm tra chuẩn hoá về ngôn ngữ và logic.

Thuyết này đem tới một cái nhìn cấp tiến cho lĩnh vực Tâm lý học Giáo dục, rằng trí thông minh là một khả năng có thể học hỏi được để tìm kiếm, giải quyết các vấn đề và tạo ra các sản phẩm có giá trị trong một nền văn hoá. Hai nhà nghiên cứu công bố một tập hợp các khuynh hướng có thể học được, là nền tảng cho hành vi thông minh, cũng như một tập hợp các loại hình thông minh khác nhau, được phát triển và thể hiện bên trong từng bối cảnh, và giữa các bối cảnh văn hoá.

Tuy vậy, các kết quả nghiên cứu là một chuyện, và người ta vận dụng hay lạm dụng các nghiên cứu của PZ lại là một chuyện khác. Bản thân Gardner cũng đã lên tiếng rằng: “*Lý thuyết trí khôn nhiều thành phần được tìm ra như là một lý thuyết khoa học chứ không phải là một công cụ của chính sách xã hội.*” Gardner cũng thú nhận rằng sẽ là không thể và không thích hợp để người sáng tạo ra một lý thuyết lại phải tìm cách kiểm soát những cách thức mà lý thuyết đó được vận dụng, ví dụ như sự lạm dụng đo nghiệm trí khôn theo bất kể hình thức nào.

Các khuynh hướng đóng vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm và giải quyết vấn đề. Thái độ của người học thể hiện ra trong quá trình học tập, cho dù họ có tâm trí đóng hay mở, suy nghĩ phiêu lưu hay giới hạn, cẩn trọng hay bất cẩn, đều góp phần dự đoán mạnh mẽ cách mà họ gắn kết và phát triển các hành vi thông minh.

Các nghiên cứu hiện nay của PZ tập trung vào câu hỏi: Trí thông minh được thể hiện bên trong từng bối cảnh, và giữa các bối cảnh văn hoá như thế nào? Thay vì hỏi “Tôi thông minh đến mức nào?”, chúng ta hỏi “Tôi thông minh như thế nào?”, thì điều gì sẽ xảy ra?

CÔNG NGHỆ TRONG GIÁO DỤC: CÁCH MẠNG HAY TIẾN HOÁ?¹

- Adam F. Falk | Chủ tịch, Đại học Williams ²
Đặng Thanh Giang dịch

Dường như bạn không thể đọc một tờ báo hay tạp chí - chuyên mục giáo dục của New York Times, The Chronicle of Higher Education, EDUCAUSE Review - mà không đụng phải sự khẳng định nhiệt tình rằng công nghệ thông tin đã thay đổi mọi thứ về sinh viên và cách chúng ta giáo dục chúng. Video trực tuyến! Chat rooms! Máy tính xách tay! iPod (Bạn còn nhớ khi Duke tặng tất cả các sinh viên năm nhất một chiếc iPod, chúng mới chỉ mới ra mắt trên thị trường không? ³)! Hệ thống quản lý khóa học! iPad! Danh sách này vẫn còn dài, và sẽ còn tiếp tục kéo dài trong dòng chảy vô tận của công nghệ mới.

Không còn nghi ngờ gì nữa, tất cả các công nghệ này đều thú vị và cuốn hút, cung cấp cho chúng ta những cách mới và sáng tạo để chuẩn bị cho các chàng trai, cô gái trẻ hội nhập vào thế giới như những người lớn có học thức. Nhưng sẽ có những tuyên bố mạnh mẽ hơn về việc những công nghệ mới này đã thay đổi, hoặc sẽ sớm

thay đổi, những nguyên tắc nghề nghiệp cơ bản của chúng ta. Ngay cả ở một ngôi trường với 229 năm lịch sử như Williams, tôi đã nghe thấy những lo ngại về sự lỗi thời khi đối mặt với máy tính và cuộc cách mạng internet. Liệu vai trò của Williams có còn quan trọng? Liệu một nền giáo dục tổng quát (liberal arts) ở vùng núi nông thôn New England, có phù hợp với những học sinh Twitter của thế kỷ 21 không? Quá chậm, quá chật chội, quá nhàm chán? Liệu những người ở Williams, và tất cả chúng ta, tại các trường đại học giáo dục tổng quát, có cần phải trở thành một thứ hoàn toàn khác nếu muốn tồn tại?

Câu trả lời của tôi đối với vấn đề này rất rõ ràng: dù công nghệ đã mang lại nhiều đổi thay, nền tảng cốt lõi của giáo dục, bao gồm nền giáo dục mà chúng tôi cung cấp tại Williams và giáo dục trong phạm trù rộng hơn, vẫn còn nguyên vẹn. Hơn nữa, cần phải mạnh dạn chống lại kết luận phản cảm rằng bởi sinh viên tiếp cận kiến thức từ Williams với những chế độ khác nhau (đa nhiệm, đa phương tiện, truy cập nhanh, thời gian chú ý ngắn), chúng ta phải trở nên giống như vậy nếu muốn giáo dục chúng. Tôi tin rằng nhiệm vụ của chúng ta, ngược lại, là hiểu rõ lợi thế và bất lợi của dòng chảy thông tin không ngừng nghỉ, và sử dụng thời gian ngắn ngủi của sinh viên ở trường đại học để giúp các em tăng cường khả năng và cơ hội tương tác sâu với tài liệu. Trên thực tế, sinh viên của chúng ta đang cần trải nghiệm này hơn bao giờ hết.

¹ Trình bày tại Hội thảo “Tương lai của Giáo dục Tổng quát”, Đại học Lafayette, 10/4/2012.

² Đại học Williams (Williams College) là cơ sở đào tạo tư thục thành lập năm 1793, nằm ở Williamstown, Massachusetts, Mỹ. Năm 2018, Đại học Williams được xếp hạng 1 trong danh sách các trường đại học giáo dục tổng quát trên toàn nước Mỹ (National Liberal Arts Colleges). Adam F. Falk là một Giáo sư Vật lý, Chủ tịch thứ 17 của Đại học Williams (1/4/2010-31/12/2017)

³ Tháng 7/2004, Đại học Duke (Duke University) thông báo sẽ tặng mỗi sinh viên năm đầu 1 chiếc iPod của Apple để khuyến khích sử dụng công nghệ trong học tập và đời sống.

Tình huống chúng ta đang đối mặt thực ra không hề mới mẻ. Sự phát minh ra kĩ thuật in ấn từng được cho là kết thúc của trường đại học (“Tại sao mang tất cả những sinh viên này đến Oxford khi có thể gửi cho họ tất cả sách vở bằng ngựa? Cách đó sẽ rẻ hơn và hiệu quả hơn rất nhiều, và sinh viên có thể học một cách thoải mái và thuận tiện ở nhà.”), nhưng điều đó đã không xảy ra. Và còn nhiều ví dụ hơn về việc những tiến bộ trong công nghệ chưa bao giờ có thể đặt dấu chấm hết cho giáo dục. Dưới đây là ba ví dụ từ trải nghiệm của chính tôi:

Khi lên bảy tuổi, hoạt động yêu thích trong buổi sáng thứ Bảy của tôi là dậy sớm và xem TV chiếu lại phim Gilligan’s Island. Nhưng nếu thức dậy quá sớm, bởi ngày đó TV chỉ có bốn kênh, tôi sẽ phải chịu đựng sự tẻ nhạt của Bản tin nông nghiệp và chương trình Sunrise Semester lúc 6 giờ sáng trên kênh CBS. Chương trình Sunrise Semester, kéo dài từ năm 1957 đến năm 1982, là thử nghiệm đầu tiên của Đại học New York về giáo dục từ xa. Các khóa học được cung cấp trực tiếp với giảng viên của NYU phát sóng từ một studio ở New York. Theo trang web của NYU, khóa học đầu tiên được đưa ra giảng dạy là “Văn học so sánh 10: Từ Stendhal đến Hemingway” của giáo sư Floyd Zulli. Học sinh có thể được tính tín chỉ của trường nếu trả \$75, kết quả: 700 người đã tham gia, 177 đã hoàn thành khóa học và 120.000 người theo dõi trên truyền hình. (Thật thú vị khi thấy rằng những con số này không mấy khác biệt so với khóa học “Máy học” (Machine learning), được cung cấp vào mùa xuân năm 2012 bởi các giáo sư Stanford dưới sự bảo trợ của Udacity).

Điều tôi muốn nói ở đây là gì? Sunrise Semester là một thành công lớn. Nó kéo dài trong một phần tư thế kỉ, đã giành được giải Emmy, và được xem bởi hàng triệu người. Nó bắt đầu vào năm 1957, bình minh của thời hiện đại, khi vô tuyến truyền hình bắt đầu trở nên phổ biến ở các gia đình Mỹ. Hẳn những người tiên phong tạo ra Sunrise Semester rất vui mừng với ý tưởng rằng bằng việc tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận những bài giảng hay nhất ngay tại nhà, kỉ nguyên đi học đại học đắt tiền sẽ sớm chấm dứt. Nhưng tại sao công nghệ thú vị này của truyền hình lại không tạo ra được hiệu ứng đó? Bởi vì, tất nhiên, giáo dục đại học không chỉ đơn giản là vấn đề của phương tiện truyền đạt thông tin hiệu quả nhất, hoặc hấp dẫn nhất. Đó còn là vấn đề kiến tạo và nuôi dưỡng một cộng đồng sinh viên, trong một môi trường xã hội và vật chất cụ thể. Đó là vấn đề học hỏi mọi thứ cùng nhau,

không chỉ ngồi một mình ở nhà trong áo choàng tắm và đôi dép bông của bạn.

Nhưng tất nhiên, chúng ta có những lúc tự học hỏi. Khi còn là một học sinh năm đầu ở trường trung học, khi đã tôi đã chán ngấy các giờ toán học thông thường. Giáo viên của tôi khi ấy đã đưa tôi một cuốn sách “được lập trình” về xác suất và thống kê. Cuốn sách được cấu tạo bằng một loạt các trang lật. Mỗi trang thảo luận về một khái niệm, mặt trên của miếng lật là một loạt các câu hỏi và các câu trả lời nằm ở mặt dưới. Bạn chỉ chuyển sang trang tiếp theo khi trả lời đúng câu hỏi. Tất cả các yếu tố đều rất chặt chẽ và hiệu quả. Đó là khóa học duy nhất về xác suất mà tôi từng học, và nó đã cực kì có ích khi tôi làm việc trong ngành vật lý lý thuyết. Được hoàn toàn tự định hướng, tôi thực sự học thông qua tài liệu, và tôi yêu thích điều này. Với sự khắt khe và hấp dẫn đó, tôi tưởng tượng rằng nó ngang với một khóa học tự quyết định tiến độ (self-paced) bạn tìm thấy trên iPad của bạn ngày hôm nay.

Đó là một cách rất hiệu quả và tiết kiệm chi phí mà tôi đã dùng để học về xác suất. Nhưng việc giảng dạy toán học không bao giờ bị lấn át bởi sách giáo khoa. Chúng ta không loại bỏ tất cả các lớp toán, trao cho học sinh những cuốn sách này và cho chúng đến thư viện. Tất nhiên những phương pháp tự học luôn luôn có vị trí của nó, nhưng tại sao giáo dục không thay đổi khi mà sách có thể được sản xuất với giá rẻ? Bởi vì, theo quan điểm của tôi, sẽ rất khó cho ngay cả những học sinh giỏi nhất để tự mình học mọi thứ, dù tài liệu có tốt thế nào đi chăng nữa. Sẽ thú vị và hiệu quả hơn nhiều khi học hỏi trong một cộng đồng học sinh-sinh viên và được hỗ trợ bởi các tương tác thực sự của con người.

Cuối cùng, khi tôi còn học đại học, tôi đã dạy môn giải tích cho Chương trình Tìm kiếm Tài năng (Talent Identification Program) của Đại học Duke qua thư. Cô bé tôi dạy (tên là Jane) đang học lớp chín và không có cơ hội học giải tích ở trường trung học. Tôi đã gửi cho em sách và các bộ câu hỏi. Em gửi các bộ câu hỏi đã giải cho tôi mỗi tuần, và tôi sẽ sửa và gửi lại. Chúng tôi thực hiện các bài kiểm tra cũng theo cách đó. Jane đã học xuất sắc, giành được 5 điểm trong kỳ thi AP Calculus BC (và 800 điểm thi SAT môn toán, một mức điểm rất cao thời bấy giờ). Một học sinh tuyệt vời, và chương trình Tìm kiếm Tài năng Toán Qua Thư chỉ là những gì em cần khi trường học không thể đáp ứng nhu cầu. Tuy nhiên, một lần nữa, sự tồn tại của các chương

trình giáo dục từ xa chất lượng cao từ hơn một phần tư thế kỷ trước đã không ngăn cho trường học và phụ huynh nghĩ rằng các khóa học giải tích đất tiên hơn trong lớp học mới thực sự là cách tốt nhất để làm tăng khả năng toán học của học sinh. Ngày nay, hầu như tất cả các trường trung học tốt ở Mỹ đều có môn giải tích cho học sinh lựa chọn.

Điều được chứng minh qua các câu chuyện này là, trong thực tế, các công nghệ hiệu quả (và tiết kiệm chi phí) để hỗ trợ giáo dục từ xa và học tập theo nhịp độ tự thân đã tồn tại trong nhiều thập kỷ. In ấn, truyền hình và dịch vụ bưu chính là những công cụ tạo nên dấu ấn rõ rệt. Chúng đã được sử dụng từ khi được phát minh để tăng cường hiệu quả giáo dục. Điều mà không gì trong số chúng làm được là thay đổi một thực tế cơ bản: tại trung tâm của nó, giáo dục là một hoạt động xã hội mà hình thức cao nhất của nó là một cộng đồng thực sự của sinh viên và giảng viên. Cả sách, video cũng như chat rooms đều không làm cho các trường đại học trở nên lỗi thời.

Tuy nhiên, có nhiều người cho rằng thời điểm chúng ta đang sống khác hoàn toàn với trước đây. Có lẽ họ đúng. Có lẽ các công cụ mới của công nghệ thông tin đang cung cấp một cái gì đó sâu sắc hơn là một vài phương thức truyền đạt nội dung mới. Có lẽ sinh viên của chúng tôi đã quá quen với tương tác trực tuyến, và cộng đồng ảo được dựng lên trong các hệ thống quản lý khóa học hiện đại là tất cả những gì các em cần để kết nối với các sinh viên khác. Có lẽ bộ não của chúng đã thực sự được cấu tạo khác đi.

Có lẽ vậy. Cá nhân tôi thì nghi ngờ điều đó. Nhưng ngay cả khi một số hoặc tất cả những điều này đã xảy ra, và chúng ta thực sự đã bước vào một thế giới mới, tôi sẽ lập luận rằng vẫn có một số nguyên tắc đơn giản còn tồn tại:

1. Trong giáo dục, tương tác người với người cũng quan trọng như, thậm chí còn hơn, cách truyền tải nội dung.
2. Công nghệ mới rất đắt tiền, đặc biệt là các công nghệ vượt bậc. Và ngay lập tức chúng có thể trở nên lỗi thời.
3. Sự ra đời của công nghệ thường không làm giảm chi phí tổng thể; thực tế, còn có khả năng gia tăng nó.

Tôi sẽ minh họa ý mình bằng một ví dụ mà bản thân từng trải qua, Chương trình Học thuật Cấp cao của Đại học Johns Hopkins (AAP). Đây là những khóa đào tạo thạc sĩ chuyên nghiệp

trong nhiều lĩnh vực, được cung cấp chủ yếu bởi các giảng viên bán thời gian làm việc trong các ngành nghề có liên quan. Khoảng một nửa trong số 2.000 học viên theo học chương trình về công nghệ sinh học, nhiều người trong số họ làm việc tại trung tâm công nghiệp công nghệ sinh học ở hạt Montgomery dọc theo hành lang I-270. Ban đầu, AAP cung cấp các khóa học này một cách rộng rãi và thành công trong một cơ sở kính-và-thép hiện đại ở trung tâm của "Thung lũng DNA." - một vị trí không thể tốt hơn, các chương trình có chất lượng cao và cực kỳ phù hợp với đối tượng mục tiêu đã phát triển mạnh mẽ.

Đến năm 2005, có những lý do chính đáng để cân nhắc việc cung cấp một số, hoặc toàn bộ các khóa học, qua hình thức trực tuyến. Sự kết hợp giữa của Johns Hopkins và công nghệ sinh học chắc chắn là một thương hiệu mạnh mẽ và mang tính toàn cầu, và các cơ hội tuyệt vời đang mở ra để cung cấp các khóa học này cho sinh viên bên ngoài khu vực Washington (Vì các chương trình AAP tạo ra doanh thu ròng, việc mở rộng phạm vi tiếp cận là vô cùng cần thiết). Nhưng đồng thời, cuộc sống của sinh viên địa phương, với giao thông Beltway, các công việc đòi hỏi cao và trách nhiệm gia đình, đã bộc lộ những thách thức tiềm năng khi truyền tải các khóa học dưới một định dạng không đồng bộ và không có tính địa phương. Đó là hình thức trực tuyến, sử dụng hệ thống quản lý khóa học. (Cho đến ngày nay, phần lớn những người học trực tuyến vẫn sống trong vòng năm mươi dặm quanh tòa nhà bằng kính và thép, một điều hóa ra là hoàn toàn bình thường.)

Ở thời điểm mà tất cả những khái niệm này còn vô cùng mới mẻ, AAP quan tâm đến việc những gì được truyền tải trong khóa học trực tuyến tương đương với khóa học tại chỗ. Vì vậy, họ đã thực hiện một nghiên cứu đặc biệt với các khóa học trong ngành tin sinh học (bioinformatics). Một giảng viên giảng dạy trực tuyến cần phải dạy cùng một khóa học trong lớp học thông thường trước. Nội dung của các khóa học trực tuyến và tại chỗ là giống hệt nhau, và học viên thực hiện các kỳ thi cuối kỳ giống nhau. Sự hài lòng của học viên và kết quả học tập của học viên được đánh giá và so sánh.

Nghiên cứu cho thấy rằng một khóa học trực tuyến có hiệu quả như một khóa học tại chỗ, thậm chí là còn nhiều hơn thế. Nhưng kết quả này có được là nhờ khoản đầu tư vật chất cho một khóa học trực tuyến mà không hề ít hơn đầu

tư vào giảng dạy tại chỗ. Một yếu tố cốt lõi của khóa học trực tuyến, cả về hiệu quả giáo dục lẫn sự hài lòng của học viên, là sự tương tác rộng rãi giữa giảng viên và học viên, cả trong các chat room được kiểm duyệt và giữa các cá nhân với nhau. Duy trì các cuộc hội thoại ảo như vậy ở trình độ cao rất tốn thời gian của giảng viên. Do đó, tỷ lệ học viên-giảng viên trong khóa học trực tuyến phải xấp xỉ bằng (hoặc thấp hơn) khóa học thông thường. Không có lợi ích kinh tế trên quy mô nào được tạo ra đơn giản nhờ việc giảng dạy trên mạng, nếu nó được thực hiện tốt. Trên một bình diện tương tự, thời gian chuẩn bị của giáo viên dạy trực tuyến cao hơn so với những người dạy trực tiếp; mặc dù thời gian chuẩn bị sẽ dài nhất cho lần dạy đầu tiên, các khóa học trực tuyến cũng phải được cập nhật thường xuyên như các khóa học tại chỗ và thu nhập của giảng viên cũng ở mức tương tự. Như vậy, “đóng gói” các khóa học để chúng có thể được giảng dạy bởi “bất cứ ai” không hề dễ dàng hơn giáo dục tại chỗ.

Tuy nhiên, dù không tiết kiệm chi phí hoặc thời gian giảng dạy, mô hình trực tuyến đã mang lại những lợi ích to lớn cho AAP và học viên. Đến năm 2010, một nửa số người ghi danh vào chương trình công nghệ sinh học của AAP là qua các khóa học trực tuyến. Sự linh hoạt về thời gian và địa điểm của hình thức trực tuyến có giá trị quan trọng, cả cho dân địa phương là người đã đi làm, và cho một số lượng lớn học viên toàn cầu. (Khi phòng trò chuyện không đồng bộ và bạn sống ở Ấn Độ, bạn không phải thức dậy lúc 4 giờ sáng để tham gia thảo luận.)

Và mặc dù không phải là không tốn kém, các khóa học đã thành công về mặt giáo dục bởi họ đã đặt ưu tiên cốt lõi vào việc khởi tạo và nuôi dưỡng một cộng đồng ảo trong đó học viên gắn kết một cách chặt chẽ và sâu sắc. Khía cạnh này của khóa học trực tuyến đã thể hiện rõ ràng qua khảo sát về sự hài lòng của học viên.

Vậy bài học rút ra cho Williams và các trường đại học giáo dục tổng quát khác là gì? Sứ mệnh giáo dục cốt lõi và cơ cấu xác định của chúng ta, là nhằm giáo dục sinh viên trong một môi trường hợp tác, cá nhân, thân mật. Các chàng trai và cô gái trẻ đến với chúng tôi bởi vì muốn được ở một nơi mà các em sẽ biết các giảng viên và sinh viên học cùng, và cộng đồng sẽ biết đến các em. Chúng ta biết, và các em biết, rằng đối với phần lớn trong số các em, đây là kiểu giáo dục giúp chuẩn bị tốt nhất cho sống hiệu quả và có ý nghĩa. Tôi cho rằng tiềm năng lớn của các

công nghệ mới không phải là nâng cao những giá trị cốt lõi này, mà là để cho phép chúng ta hoàn thành nhiệm vụ giáo dục hiện tại hiệu quả hơn, đặc biệt, cho chúng ta những phương pháp mới để vượt qua những hạn chế về quy mô và địa điểm.

Đặc biệt, giáo dục từ xa, nếu được triển khai một cách chu đáo, hứa hẹn sẽ mở rộng chương trình giảng dạy sang các lĩnh vực không thuộc các khoa tương đối nhỏ của chúng ta. Ví dụ, trong thế giới đa cực mới của chúng ta, sinh viên sẽ muốn học nhiều ngôn ngữ hơn số lượng chúng ta có thể có thể cung cấp trong lớp học. Tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Nhật và tiếng Trung đơn giản là không đủ. Hướng dẫn dựa trên Internet có thể là một giải pháp đột phá cho thử thách này. Chúng ta có thể sử dụng công nghệ hội nghị trực tuyến (video conferencing) hiệu quả, chất lượng cao, chi phí thấp để sinh viên của mình liên hệ hợp tác với sinh viên trên khắp thế giới, thêm vào các hình thức hợp tác quốc tế truyền thống như học ở nước ngoài và các khóa học về các chủ đề toàn cầu, với trải nghiệm ảo thực sự. (Tại Williams, chúng tôi có một mối quan hệ lâu dài với Đại học Hoa Kỳ ở Cairo, theo đó chúng tôi sử dụng hội nghị trực tuyến để dạy một khóa học cùng nhau mỗi năm. Trong Cuộc nổi dậy nhân dân Ả Rập năm 2011, đây là một trải nghiệm giáo dục mạnh mẽ cho sinh viên của chúng tôi!) Công nghệ mới chắc chắn sẽ mang lại cho chúng ta những chất liệu giảng dạy đa phương tiện phong phú hơn, ngay cả khi chúng không rẻ hơn sách giáo khoa thông thường. Một số chất liệu trong đó thậm chí có thể cho phép chúng ta thay đổi phương thức giảng dạy theo những cách thú vị. Thậm chí việc truyền tải kiến thức bằng máy tính, theo lập trình có sẵn trong một số môn học quy chuẩn và cơ bản (có thể là Giải tích?) sẽ có chất lượng cao đến mức giúp chúng ta nhận ra các khiếm khuyết trong việc duy trì các tiêu chuẩn giáo dục truyền thống.

Đổi mới giáo dục có nhiều hình thức, và không phải tất cả đều dựa chủ yếu vào các mạch tích hợp. Nếu bạn đến thăm trường Williams ngày hôm nay, tôi sẽ tự hào cho bạn thấy thư viện mới sắp được ra mắt. Cơ sở mới này sẽ tập hợp các bộ sưu tập sách phong phú của chúng tôi trong ngành khoa học xã hội và nhân văn, thư viện sách hiếm tuyệt vời của chúng tôi, và Trung tâm Sáng kiến Truyền thông, bao quanh là không gian dành riêng cho công việc liên ngành và làm việc nhóm. Kế hoạch của chúng tôi là tạo ra một trung tâm học tập sôi nổi để kích thích đam mê,

nuôi dưỡng sự tò mò của sinh viên, và trên hết, mang chúng lại với nhau trong một không gian thực. Công việc học thuật đã thay đổi qua nhiều năm: giờ đây, nó đòi hỏi nhiều hợp tác hơn, có tính chất kỉ luật hơn, chiết trung hơn trong các nguồn và phương pháp của nó. Một thư viện hiện đại không còn đơn giản là một hộp sách với các ngăn bàn, thay vào đó, nó là ngã tư của khuôn viên trường học theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng, nơi các sinh viên và giảng viên gặp gỡ, nơi mà các công nghệ cả mới lẫn cũ đều được đưa vào cuộc trò chuyện. Không gian học thuật tuyệt vời giúp mọi người tiếp xúc với nhau, với các công cụ và ý tưởng. Công nghệ thông tin chắc chắn là một phần của câu chuyện này, và thư viện mới của chúng tôi sẽ hỗ trợ công nghệ thông tin hơn bao giờ hết, nhưng nó chỉ là một trong số rất nhiều trong tám tấm chúng tôi đang dệt tại Williams.

Điều này đưa tôi trở lại câu hỏi ban đầu. Liệu sinh viên ngày nay có khác biệt với chúng ta đến mức chỉ có thể học, hoặc ít nhất là học tốt, nhờ vào các phương thức mới được sản sinh từ cuộc cách mạng công nghệ? Không phải nghi ngờ rằng một thiếu niên lớn lên trong thế giới của Wikipedia và truyền thông đa phương tiện có cách nhìn nhận thế giới, hoặc cách tiếp cận thông tin khác với những người trong ban lãnh đạo trường đại học khi ở cùng độ tuổi. Nhưng điều đó không đồng nghĩa rằng phương pháp giáo dục duy nhất phù hợp, mà sinh viên có thể và sẵn sàng tiếp thu, phải dựa vào những tính năng siêu thực của công nghệ hiện đại. Liên tục chạy theo sự tiến bộ của công nghệ có thể khiến sinh viên bị suy giảm khả năng nhận thức và cuối cùng không bao giờ được thỏa mãn. Nếu trải nghiệm trước đại học của sinh viên không khuyến khích các em chậm lại và suy nghĩ nghiêm túc về sự mạch lạc của thông tin, thay vì liên tục tiếp nhận những làn sóng thông tin rời rạc, thì đại học chắc chắn là lúc bắt đầu. Tôi tin rằng kết nối sâu với ý tưởng là những gì các em thực sự đang cần.

Như tôi đã nói, đổi mới giáo dục không nhất thiết phải liên quan đến phương tiện trung gian. Tại Williams, có một số khóa học được tổ chức theo hình thức “hướng dẫn”, trong đó một giảng viên ngồi với hai sinh viên hàng tuần, điều phối cuộc thảo luận trong đó sinh viên phản biện phần việc của người kia và bảo vệ các luận điểm của mình. Trong 10 năm qua, chúng tôi đã đầu tư đáng kể để phát triển chương trình này, hướng dẫn sinh viên những kĩ năng cần thiết cho tương lai, mở rộng mô hình giảng dạy và tạo cơ hội cho bất kỳ

sinh viên nào muốn tham gia. Mô hình hướng dẫn này hiện được cung cấp ở hầu hết các khoa của trường, hầu hết sinh viên tốt nghiệp từ Williams đã tham gia ít nhất một khóa, và nhiều sinh viên thường xuyên theo học. Việc mở rộng chương trình này đòi hỏi khoản đầu tư rất lớn, bị một số người cho là đi ngược lại các phương pháp sư phạm truyền thống, trong thời đại của các tiến bộ công nghệ tuyệt vời. Suy tới cùng, mô hình hướng dẫn đại diện cho phương pháp học tập sâu sắc, tương tác và đầy thử thách, và không có sự nhấn mạnh đặc biệt nào vào công nghệ.

Tuy nhiên cho đến nay, sự hài lòng của sinh viên với chương trình hướng dẫn là cao nhất trong tất cả các chương trình giảng dạy chính thức của chúng tôi; và theo báo cáo của giảng viên, mức độ học tập của sinh viên trong mô hình này cũng là sâu nhất. Chúng tôi coi chương trình này là một trong những thành công lớn của mình, một dấu son cho nền giáo dục Williams, thể hiện các giá trị giáo dục cơ bản và lâu dài của chúng tôi.

Tôi đã dành hàng thập kỉ hỏi các cựu sinh viên, cả già và trẻ, về điều quan trọng nhất đối với họ trong thời gian học đại học. Về cơ bản, câu trả lời chưa bao giờ thay đổi. Sinh viên và cựu sinh viên nói đến một số lượng nhỏ mối quan hệ với những giảng viên quan trọng đã dạy cho họ một cái gì đó sâu sắc và quan trọng, người cổ vũ cho họ làm khóa luận và nghiên cứu, giúp đỡ họ trong đời sống cá nhân, mang họ ra từ những khu ổ chuột để bắt đầu phát triển. Sau khi suy nghĩ, cựu sinh viên thể hiện sự thiếu thiện cảm với những giáo sư hào nhoáng, hoặc những người vượt trội. Đưa giáo viên và sinh viên lại gần nhau và cho họ không gian, thời gian để tương tác là những gì mà chúng ta, tại các trường đại học giáo dục tổng quát, làm tốt nhất. Đó là mục đích cốt lõi của chúng ta. Công nghệ tiến bộ có thể thúc đẩy điều này. Nhưng nếu sách in và truyền hình không thể tạo ra một cuộc cách mạng lật đổ chúng ta, thì iPad và Internet cũng sẽ không làm được điều đó.



CUỘC CÁCH MẠNG GIÁO DỤC TOÀN CẦU THẦM LẶNG: TRAO CHO TRẺ NHỮNG KỸ NĂNG ĐỂ TRỞ THÀNH CÔNG DÂN THẾ KỶ 21

- Jenny Anderson
Nguyễn Bảo Trọng dịch

Khi còn nhỏ, Dana Narvaiša ghét đi học. Các giáo viên của cô nghĩ rằng cô bé đặt ra quá nhiều câu hỏi và giáo viên tiếng Anh còn thản nhiên phớt lờ cô khi đến giờ tập đọc trước lớp.

Giờ đây, Narvaiša điều hành trường tiểu học Cesis New trong một thị trấn có 40,000 người dân, cách Riga – thủ đô của Latvia khoảng 1 tiếng rưỡi đồng hồ. Những đứa trẻ sẽ tự quyết định làm thế nào để kiến tạo việc học của bản thân. Mỗi đứa trẻ đều có kế hoạch học tập của riêng mình. Narvaiša nói rằng: “Trẻ sẽ chịu trách nhiệm với việc học của mình và chịu trách nhiệm với cách mà chúng muốn phát triển việc học đó.”

Bằng cách này, trẻ cũng phát triển được những kỹ năng vượt xa lý thuyết học thuật thuần túy. Chẳng hạn, gần đây, học sinh lớp ba quyết định quan sát những thay đổi diễn ra vào mùa thu. Chúng muốn tìm hiểu tại sao lá cây đổi màu, vì vậy chúng quyết định viết một câu chuyện và ghi lại những gì chúng thấy bằng ảnh và một bài thuyết trình Powerpoint, vì thế chúng không chỉ đạt được kiến thức khoa học mà còn cả các kỹ năng đọc viết, kỹ thuật số và giao tiếp. Những học sinh khác triển khai một buổi trình diễn

nghệ thuật về cảm xúc và xác định tất cả những điều chúng cần làm để buổi trình diễn thành công – do đó chúng rèn luyện được kỹ năng giao tiếp, tinh thần hợp tác và kỹ năng quản lý dự án.

Narvaiša không hề đơn độc. Tại những vùng nhỏ bé trên khắp thế giới, giáo viên và các nhà cải cách giáo dục vẫn đang tìm cách để thoát khỏi những hệ thống cứng nhắc và bài kiểm tra chuẩn hóa ẩn chứa nhiều rủi ro. Họ đang cố gắng mang giáo dục đến cho học sinh, đặc biệt những học sinh nghèo để giúp những học sinh đó “trở thành kiến trúc sư trong chính cuộc sống của mình” theo như lời của Fernando Reimers, giám đốc chương trình Sáng kiến Đổi mới Giáo dục Toàn cầu (Global Education Innovation Initiative) tại Đại học Havard.

Reimers nói, “Tin vui là các nhà giáo dục ngày càng đồng thuận rằng chúng ta phải hướng đến giáo dục trẻ phát triển toàn diện, và thực sự có nhiều phương thức để làm được điều đó... Tin buồn là chúng ta không có 100 năm để giải quyết điều này.”

Reimers nghĩ rằng việc này cũng quan trọng như là hòa bình thế giới.

Cuộc trưng cầu dân ý Brexit (nước Anh rời khỏi Liên minh châu Âu) và cuộc bầu cử Hoa Kỳ năm nay đã cho thấy sự bất lực rõ rệt của công dân trong việc đưa ra những tranh luận sâu sắc về chính sách. Cả hai sự kiện này đều cho thấy các cử tri bị chia rẽ bởi giáo dục cũng sâu sắc như bởi những yếu tố khác. Rebecca Winthrop, người đứng đầu Trung tâm Giáo dục Toàn cầu (the Center for Universal Education) tại Viện Brookings, cho biết cuộc bầu cử Hoa Kỳ đã chỉ ra rằng giáo dục cần vượt ra ngoài khuôn khổ kiến thức học thuật để giải quyết những chia rẽ gây ra bởi tự động hóa, thương mại tự do và những chuyển đổi kinh tế khác. “Đó không chỉ là những kỹ năng làm việc, mà đó còn là những kỹ năng để phát triển công dân vững mạnh.”

Reimers tán thành quan điểm này: Hãy trao cho trẻ những kỹ năng phù hợp, chúng có thể trở thành những công dân hữu ích và thực hiện lời hứa vĩ đại của thời kì Khai sáng. Theo đó “những người bình thường có thể tự mình cai trị, được hỗ trợ bởi lý trí và khoa học, bởi khả năng kết nối với những người khác để tự cải thiện bản thân và cộng đồng của mình, có như vậy mới giảm đi sự khổ đau của con người,” ông viết trong một bài báo năm 2014¹. Khi không thể trao cho họ những kỹ năng để tham gia vào một nền kinh tế kỹ thuật số, liên kết chặt chẽ và thay đổi nhanh, họ sẽ cố gắng làm phân rã nền kinh tế đó như cách các cử tri trên toàn thế giới đang làm.

Những kỹ năng đó bao gồm khả năng kiểm soát việc học của chính mình; biết đồng cảm và hòa thuận với người khác; biết trân trọng thế giới rộng mở hơn và sự đa dạng về quan điểm. Những kỹ năng đó chính là những điều mà các nhà giáo dục tân tiến trên khắp thế giới đang tìm cách để giúp mọi người thấm nhuần – dù vẫn thường bị hạn chế bởi những hệ thống cứng nhắc và nặng về thi cử.

Vấn đề với việc kiểm tra và cuộc tranh luận về kỹ năng

Trong suốt 25 năm qua, hầu hết các quốc gia phát triển đã và đang theo đuổi cải cách giáo dục dựa trên những tiêu chuẩn. Họ xây dựng những bài kiểm tra được chuẩn hóa đối với một số môn chính như toán và đọc, và tìm cách để buộc giáo viên chịu trách nhiệm về kết quả. Nhiều quốc gia hướng đến việc dạy các kỹ năng khác nhưng khi giá trị của một trường học hay của một giáo viên được đo lường bằng một bài kiểm tra chuẩn hóa thì việc đáp ứng tiêu chuẩn đó

hiển nhiên trở thành ưu tiên hàng đầu.

Nhưng bạn không thể suy nghĩ phản biện nếu không có kiến thức thấu đáo, bạn cũng không thể làm việc hiệu quả hay tham gia tranh luận xã hội nếu bạn không thể kiểm soát cảm xúc, hòa đồng với giáo viên và bạn bè hay nhẫn nại khi gặp tình huống khó khăn.

Nhận thức đó đang dần dần dắt một bộ phận tới một phong trào sâu rộng hơn: giảm tập trung vào các bài kiểm tra chuẩn hóa và dạy nhiều hơn những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống. Ở Singapore, một đất nước vốn nổi tiếng về áp lực trong học tập, chính phủ và một vài người dân đang nỗ lực để giảm tập trung vào điểm số, và coi trọng hơn các vấn đề như sự nỗ lực và sự tự tin. Ở Đan Mạch, sự đồng cảm là một nội dung của chương trình học.

Tại Mỹ, sau hàng thập kỷ tranh luận nảy lửa về phương pháp và nội dung thi cử cho trẻ em, người ta đồng thuận rộng rãi rằng điều quan trọng là việc học không chỉ dừng lại ở đọc, viết và làm toán. Sau 20 năm, “người ta cuối cùng cũng có một cái nhìn toàn diện hơn về những điều kiện để trẻ có thể thành công ở trường đại học, trong công việc và sự nghiệp trong thế kỷ 21.” – phát biểu của bà Diane Robinson, Phó Giám đốc Tập đoàn Global Nomads - một mạng lưới ảo để trẻ em kết nối, trò chuyện và học về sự đồng cảm.

Có khá nhiều các tranh luận vĩ mô về việc kỹ năng nào là quan trọng nhất: có người ủng hộ lòng quyết tâm, ý kiến khác lại cho rằng kỷ luật là quan trọng. Các nhóm chính sách như Hợp tác về các Kỹ năng cho Thế kỷ 21 (Partnership for Twenty-First-Century Skills - P21), hoạt động tại 19 bang ở Mỹ, đang cùng làm việc với chính phủ và trường học để thay đổi nhận thức về các kỹ năng này, và giúp họ đưa chúng vào chương trình học.

Trong cuốn *Becoming Brilliant: What Science Tells Us About Raising Successful Children* (tạm dịch: *Đề Trẻ Giỏi Giương: Điều khoa học dạy chúng ta về nuôi dưỡng những đứa trẻ thành công*), Kathy Hirsh-Pasek tại Đại học Temple và Roberta Golinkoff - Đại học Delaware đã tổng kết khoa học về quá trình học: khoa học thần kinh, tâm lý học phát triển và nghiên cứu giáo dục, để tìm ra kỹ năng nào quan trọng và vì sao. Họ lập sơ đồ các kỹ năng quan trọng nhất và cách chúng hiện hữu trong các giai đoạn phát triển khác nhau của trẻ nhỏ. (Ví dụ, kỷ cương đối với một đứa trẻ 5 tuổi sẽ khác với một cậu bé tuổi teen.)

Họ gọi các kỹ năng này là “Sáu C”: Cộng tác (collaboration); Giao tiếp (communication); Nội dung (content); Tư duy phản biện (critical thinking); Cải

¹ Reimers, F. M., & Villegas-Reimers, E. (2014). Getting to the Core and Evolving the Education Reform Movement to a System of Continuous Improvement. *New England Journal of Public Policy*, 26(1), 12.

tiên sáng tạo (creative innovation); và Sự tự tin (confidence). Chúng đan xen với nhau một cách phức tạp.

“Để cải tiến sáng tạo thì cần phải hiểu biết. Bạn không thể tùy tiện như một con khỉ vẽ nguệch ngoạc trên giấy. Cốt lõi ở đây là Nguyên tắc 10.000 giờ²: Bạn phải hiểu thấu đáo một vấn đề để có thể tạo ra một điều mới,” Pasek trả lời kênh NPR³.

Cuộc tranh luận về kỹ năng này không chỉ giới hạn trong phạm vi nước Mỹ. Bà Winthrop (Viện Brookings) lên sơ đồ về một phong trào mà bà gọi là “Độ rộng của kỹ năng” trên toàn thế giới. Bà và các đồng nghiệp nghiên cứu 102 đất nước, và điều mà họ phát hiện ra khiến bà phải ngạc nhiên: “Sự thay đổi trong tư duy đã diễn ra rồi”, bà nói. Hàng loạt các quốc gia tuyên bố rằng khả năng giao tiếp và sự sáng tạo là những mục tiêu hàng đầu, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề cũng được đề cập đến trong tuyên bố sứ mệnh, chương trình học, và các tài liệu về cải cách giáo dục. “Chúng tôi thực sự không biết rằng hầu hết các hệ thống giáo dục lại muốn đi theo hướng này.”

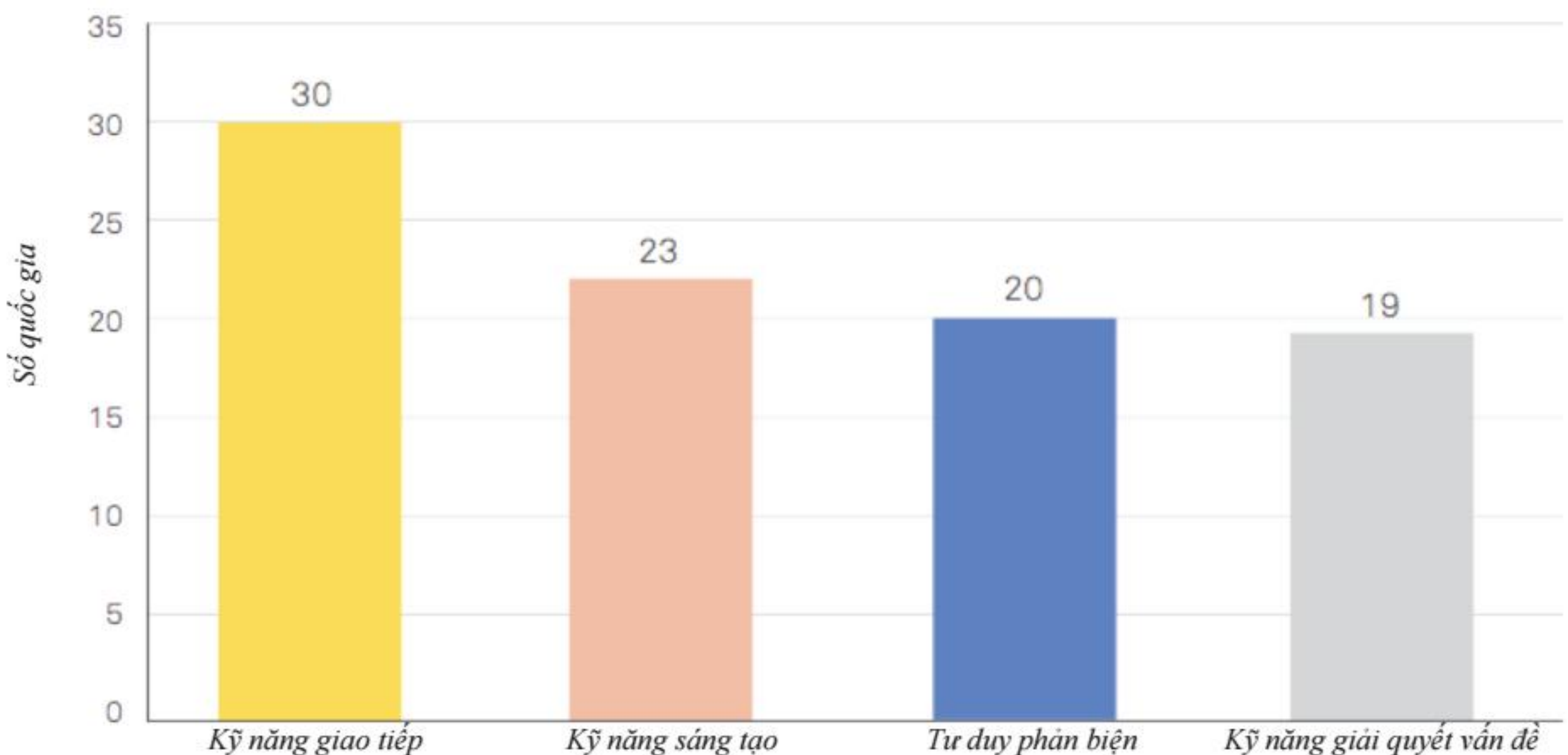
Những kỹ năng thường dùng nhất trong thế kỷ 21

Nguồn: Trung tâm Giáo dục Toàn cầu tại Brookings

Các kỹ năng trở nên quan trọng không phải bởi vì các học giả nghĩ vậy. Một nghiên cứu cho thấy những đứa trẻ thể hiện phẩm chất kiên trì và khả năng kiểm soát bản thân sẽ học giỏi hơn những trẻ có IQ cao hơn chúng. Thực tế công việc cũng không cần những người đạt điểm cao trong các bài thi chuẩn hóa, mà là những nhân lực có khả năng phân tích để kết hợp cùng người khác giải quyết vấn đề.

Hơn nữa, tự động hóa đang khiến vô số lao động mất việc làm, và rất ít người có cơ hội được đào tạo lại. Bà Winthrop cũng chỉ ra một sự sụt giảm đáng kể trong số lượng công việc yêu cầu các hoạt động lặp đi lặp lại, bao gồm cả kỹ năng cần có nhận thức như kế toán, và kỹ năng tay chân như làm việc trong dây chuyền sản xuất. Trong khi đó, những công việc phân tích không lặp lại, và các công việc đòi hỏi kỹ năng giao tiếp như điều dưỡng lại đang gia tăng nhu cầu.

Chính phủ cần phải giúp các nhân công đã mất việc làm được đào tạo lại. Nhưng các trường học cũng có trách nhiệm trong chuyện này. Bà Winthrop cho biết, trong khi nhu cầu đào tạo kỹ năng mới ngày càng cấp thiết, thì một lượng lớn các nhà giáo dục lại bày tỏ sự bất lực trong việc thực thi nó. Số người có thể thực thi được điều này lại càng ít hơn.



² Trong cuốn sách “Những kẻ xuất chúng” được xuất bản năm 2008, nhà tâm lý học Malcolm Gladwell đề xướng nguyên tắc 10,000 giờ. Ông cho rằng 10,000 giờ “luyện tập có chủ đích” là cần thiết để trở thành bậc thầy đẳng cấp thế giới trong bất kỳ lĩnh vực nào.

³ <https://www.npr.org/sections/ed/2016/07/05/481582529/how-to-raise-brilliant-children-according-to-science>

Tính tự chủ: làm chủ nền giáo dục của bạn

Viện nghiên cứu Trường học thuộc Đại học Chicago (The University of Chicago Consortium on School Research) định nghĩa tính tự chủ là “Khả năng một người tự quyết định và đóng vai trò chủ động trong cuộc sống của mình, hơn là trở thành một sản phẩm của hoàn cảnh của anh ta.” Khi viện xây dựng khung nền cho sự thành công của lứa tuổi thanh niên, tính tự chủ là một yếu tố quan trọng.

“Mọi đứa trẻ cần biết thực hiện quyền làm chủ đối với nền giáo dục của chúng, và phát triển khả năng tự chủ để giải quyết vấn đề trong hiện tại, đó là cách duy nhất mà chúng có thể xử lý được các vấn đề lớn hơn trong tương lai,” trích lời Wendy Kopp, người sáng lập Teach for All, một hệ thống hỗ trợ các cơ sở địa phương tuyển dụng giáo viên và phát triển các nhà lãnh đạo về giáo dục tại địa phương.

Tính tự chủ bắt nguồn từ nhiều yếu tố. Giáo viên hiểu rằng trẻ em phát triển tốt khi chúng đóng vai trò chủ động trong học tập; khi chúng biết và có thể tự chiêm nghiệm về quá trình học (siêu nhận thức và tư duy); và khi chúng có thể thấu hiểu người khác (sự đồng cảm). Những nhà cải cách, nhà giáo và kỹ thuật viên biết rõ rằng tất cả những điều này có thể được chia sẻ xuyên biên giới.

Tại Khan Lab School ở Mountain View, California, học sinh phản đối các bộ môn truyền thống, việc chấm điểm và lịch học của trường. Thay vào đó, chúng hướng tới “các cấp độ tự do” và mục tiêu học tập như sự tự kiểm soát, quản lý mục tiêu, và khả năng tự đánh giá. Các em học sinh tự chọn mục tiêu học tập, lên lịch trình để đạt được chúng, và tự học cùng với sự giúp đỡ của “người cố vấn”. Công nghệ số có mặt ở khắp mọi nơi, và trẻ được tin nhiệm để vận hành chúng.

“Khả năng tự chủ là yếu tố hàng đầu trong các hoạt động của chúng tôi”, bà Orly Friedman, Hiệu trưởng trường Tiểu học Khan cho hay.

Nếu chúng ta trao cho lũ trẻ quyền quyết định về thời gian, bà nói, thì đôi khi chúng sẽ lãng phí thì giờ, cũng hết như người lớn. “Chúng tôi hiểu rằng phải có một sự đánh đổi hợp lý; giảm một chút hiệu quả để có được kết quả dài lâu trong việc học sinh tự chủ với nền giáo dục của mình, điều này là bình thường.” Theo bà, cho học sinh nhiều quyền lựa chọn giúp đảm bảo rằng chúng sẽ học tập suốt đời, đây là một yếu tố thiết yếu để có thể thích nghi với thế giới đang thay đổi rất nhanh chóng này.

Tại trường Riverside School tại Ahmedabad, Ấn Độ, trẻ em sử dụng tư duy thiết kế để giải quyết các vấn đề thực tế mà chúng chọn, ví dụ như thu dọn rác trong khu vực. “Trường học là một phòng thí nghiệm để thử nghiệm ban đầu, để kiến tạo những quy trình có thể lan truyền tư tưởng “Tôi có thể” trong tâm trí trẻ, người sáng lập của trường Kiran Sethi, chia sẻ trong bài diễn thuyết TED của mình. Quy trình đó bao gồm dạy cho trẻ các giai đoạn để tạo ra sự thay đổi: cảm nhận, tưởng tượng, hành động, sẻ chia. Sau đó, trường học lập các quỹ thời gian và trau dồi kỹ năng để trẻ được thử nghiệm kiến thức.

Ví dụ, có những học sinh lớp 5 đã dành 8 tiếng để cuộn cây nhang, để tận mắt thấy cuộc sống của một lao động tuổi vị thành niên ra sao. Một khi chúng hiểu sự khó nhọc của công việc ấy, chúng trở thành những tiếng nói tích cực. Những đứa trẻ này có thể trò chuyện với các lãnh đạo trong khu vực hay chủ hộ kinh doanh để ngăn cản việc sử dụng lao động vị thành niên.

Trường Riverside dựa vào việc nuôi dưỡng nội tâm của trẻ nhỏ để chúng có thể tự tin đối mặt với các vấn đề bên ngoài. Trường khuyến khích học sinh trở thành các hạt nhân của thay đổi, nhưng họ cũng hiểu mình phải dạy cho các em cách thức để làm vậy.

Bà Sethi phát biểu gần đây: “Trẻ nhỏ có nhiều tiềm năng hơn là chỉ về điểm số”. “Cốt lõi của một công dân toàn cầu là một hạnh phúc đơn giản cần được phát triển.” Bà Sethi cũng nhanh chóng chỉ ra rằng Riverside liên tục đạt thành tích cao hơn 10 trường đứng đầu Ấn Độ. Học thuật và việc thực thi quyền công dân chủ động không hề đi ngược với nhau.

Đồng cảm: Tại sao tất cả chúng ta không thể hòa thuận?

Cho trẻ em đóng vai trò lớn hơn trong giáo dục có thể giúp tạo ra các nhà lãnh đạo tương lai, nhưng trẻ em cũng cần phải biết cách hòa đồng với người khác và hiểu quan điểm của người xung quanh.

Ở Hoa Kỳ, sự đồng cảm dường như đang suy yếu. Một nghiên cứu của Đại học Michigan với gần 14.000 sinh viên chỉ ra rằng sinh viên ngày nay có ít sự đồng cảm hơn 40% so với sinh viên của những năm 1980 và 1990. Michele Borba, một nhà tâm lý giáo dục và là tác giả của cuốn “Unselfie: Tại sao những trẻ biết đồng cảm thành công trong thế giới vị kỷ của chúng ta” ([Unselfie: Why Empathetic Kids Succeed in Our All-About-Me World](https://www.unselfie.org/)), viết rằng sự gia tăng của lòng tự ái và mất đi sự đồng cảm là những lý do chính tại sao gần một phần ba trẻ em ở Mỹ bị trầm cảm và hay gặp những hội chứng sức khỏe tinh thần hơn. Khi tổng thống Hoa Kỳ đắc cử là một người hay xúc

phạm người Mexico, người Hồi giáo và người khuyết tật, thì rõ ràng là vấn đề cần phải được cải thiện.

“Chính chúng ta cần giúp trẻ hiểu chúng là ai và làm thế nào để chúng phù hợp với thế giới.” Khi chiến tranh Iraq nổ ra, tổ chức Global Nomads đã kết nối điện thoại để học sinh ở Iraq liên lạc với trẻ em ở Connecticut. Các học sinh Hoa Kỳ nói về việc cha của chúng phải tham gia một cuộc chiến mà chính họ cũng không hiểu rõ, còn các trẻ em Iraq bày tỏ lo ngại về việc thành phố và nhà của mình bị đánh bom. Một thập kỷ sau, một số học sinh vẫn nhớ lại cuộc điện thoại đó và tầm quan trọng của việc xem xét quan điểm của người khác. “Chính chúng ta cần giúp trẻ hiểu chúng là ai và làm thế nào để chúng phù hợp với thế giới.” Robinson, phó giám đốc chương trình cho biết.

Các trường khác đang cố gắng làm những việc tương tự. Trường Đạo đức và Lãnh đạo Toàn cầu ([The School for Ethics and Global Leadership](#)) đã đưa các học sinh lớp 11 từ khắp Hoa Kỳ đến Washington DC để tham gia một học kỳ được thiết kế để mở rộng quan điểm của các em. “Chúng tôi có cả những học sinh có người giúp việc, và những học sinh mà bố mẹ là người dọn nhà,” Noah Bopp, người sáng lập trường và là trưởng nhóm nói. “Các học sinh phải cùng chia sẻ việc dọn dẹp. Chúng tôi cũng có học sinh đồng tính, và cả những học sinh nghĩ rằng đồng tính luyến ái là tội lỗi. Chúng sống trong cùng một ký túc xá. Chúng ta có những học sinh theo chủ nghĩa tự do và những học sinh theo quan điểm xã hội chủ nghĩa. Họ cộng tác viết những bài phát biểu chính trị với nhau.”

Toàn cầu hóa: Thế giới trở nên nhỏ lại nếu bạn có cái nhìn rộng hơn.

Theo Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, một học sinh có năng lực toàn cầu là một người có thể đánh giá được thế giới xung quanh, xem xét các quan điểm, giao tiếp hiệu quả với các chủ thể khác nhau và thực hiện hành động.

Tuy nhiên, đối với hầu hết các trường học của Hoa Kỳ, khái niệm “toàn cầu” lại mang hình thức một lễ hội ẩm thực diễn ra một lần một năm. Chỉ có bốn tiểu bang của Hoa Kỳ ưu tiên một số loại năng lực văn hóa và năng lực toàn cầu.

“Cuối cùng thì người ta cũng bàn luận một cách toàn diện hơn về những gì cần thiết cho trẻ em để thành công... trong thế kỷ 21.” Một số nhà giáo dục đang cố gắng thay đổi điều đó. Là người điều hành hệ thống trường công lập Washington DC, Kaya Henderson đứng đầu một chương trình mà trong đó 400 trẻ em

ở lớp 8 và lớp 11 được gửi đến 13 quốc gia trong một tuần. Nhiều trẻ em trong số đó là trẻ em nghèo; Henderson đã giúp quyên góp 2 triệu đôla để tài trợ cho chương trình, bao gồm chi phí hộ chiếu và quần áo cho những em có nhu cầu. Cô cho biết, cô đã tham gia như một học sinh và muốn những người khác cũng có những trải nghiệm giống như cô.

“Những trải nghiệm đó đã thay đổi hoàn toàn cuộc đời tôi”, Henderson trả lời tờ Washington Post. “Tôi biết sức mạnh của ngôn ngữ và việc học ở nước ngoài có thể làm gì cho những đứa trẻ tầm thường như tôi,” cô nói.

Những người khác đang cố gắng tìm cách để nhân rộng nhận thức mang tính toàn cầu bằng cách xuất bản các tài liệu giảng dạy. Reimers, đến từ Harvard, và các đồng nghiệp của ông đã viết một chương trình có tính toàn cầu dành cho lứa tuổi từ mẫu giáo đến lớp 12 được gọi là Phát triển thể hệ công dân toàn cầu: Một khóa học quốc tế ([Empowering Global Citizens: A World Course](#)). (Ban đầu nó được thiết kế độc quyền cho một trường tư thục ở thành phố New York, nhưng sau đó ông đã biến nó thành khóa học miễn phí do tổ chức phi lợi nhuận dưới cái tên Creative Commons.) Khóa học dựa trên thực hiện dự án, mang tính liên ngành, có tính thực hành và khuyến khích tinh thần làm chủ — đó là tất cả các thuật ngữ nóng của giáo dục thế kỷ 21.

Reimers cho rằng chúng ta cần khóa học này bởi chúng ta đang trong thời điểm cố gắng để toàn cầu hóa phù hợp và dễ tiếp cận với nhiều người hơn, hoặc chúng ta có thể biến nó thành một hạt nhân của sự phân chia sâu sắc hơn và sự phá hủy tiềm tàng. “Sự việc diễn tiến theo hướng nào phụ thuộc vào những gì giáo viên làm,” ông viết.

Trường hợp chịu thiệt thòi

Winthrop của tổ chức Brookings cho rằng “Hệ thống giáo dục, ở hầu hết các nơi trên thế giới, đang dần dần trở nên tốt hơn, nhưng quá trình này đang diễn ra quá chậm so với tốc độ thay đổi, và chưa đủ nhanh đối với những đứa trẻ bị thiệt thòi.”

Friedman ở trường Khan Lab đã có một ví dụ thể hiện tốc độ đó. Tại trường của cô, trẻ em nhìn thấy những chiếc xe tự lái của Google đi qua mỗi ngày. Cô nhấn mạnh rằng Uber — cũng xuất hiện ở Mountain View, và cũng đang thử nghiệm những chiếc xe không người lái — đã bắt đầu hoạt động vào năm 2009. Nói cách khác, chưa đến một thập kỷ sau khi ngành công nghiệp lái xe ra đời, những người tìm được nghề mới là nghề lái xe Uber đã đối mặt với viễn cảnh bị thay thế bằng máy móc. “Khoảng thời gian đó còn ít thời

gian hơn thời gian một đứa trẻ trải qua trong trường từ mẫu giáo đến khi tốt nghiệp trung học.”

Mạng, cùng với công nghệ, sẽ hỗ trợ được việc này. Tổ chức Teach for All đã hỗ trợ các nhà giáo dục tại hơn 40 quốc gia xây dựng mạng lưới “bắt nguồn tại địa phương, thông tin trên toàn cầu”. Mạng lưới này tuyển dụng, đào tạo các sinh viên tốt nghiệp để dạy trong hai năm tại các trường có học sinh bị thiệt thòi. Sau thời gian giảng dạy hai năm, họ thường trở thành hiệu trưởng, hoặc các nhà cải cách giáo dục, hoặc các nhà lãnh đạo của địa phương và của chính phủ trong lĩnh vực giáo dục.

Tomas Despouy từng dạy cho Enseña Chile (nhóm Teach for All ở đó) và sau đó vận hành trường Panal để giúp học sinh phát triển các kỹ năng như tinh thần

cộng tác, tính kiên trì, trí tò mò và thấu cảm thông qua việc thiết kế và thực hiện các dự án phục vụ cộng đồng. Sau khi gặp Despouy, Agustina Faustin - một cựu học sinh của Enseña Argentina đã cho ra mắt ra mắt Liderar, một mô hình tương tự ở đất nước của cô. Hiện có các nhóm ở Mexico, Colombia, Peru và Ecuador.

Mặc dù vậy, cuối cùng, chính giáo viên và các nhà cải cách giáo dục như Narvaiša ở Latvia hoặc Sethi ở Ấn Độ đã tạo ra các thay đổi, cứ dần dần từng lớp học và từng trường học một. “Trẻ em đang học những gì bạn đang không dạy chúng”, Sethi phát biểu tại một hội nghị mới đây ở Bulgaria. “Các học sinh sẽ nhìn thấy khuôn mặt của bạn trong 180 ngày. Khuôn mặt của bạn sẽ thể hiện điều gì với chúng?”



© ColiNOOB



Cải thiện văn hoá học đường bằng góc nhìn của học sinh

- Rashmi Watson prove
Nguyễn Lan Hương dịch

© Pexels

Butler College là một trường học nằm ở thành phố Perth, miền tây nước Úc. Đây là ngôi trường mà đã đầu tư xây dựng thành công **văn hoá phát triển và học tập không ngừng** (a culture of development and continuous learning) áp dụng cho tất cả nhân viên của nhà trường bao gồm từ các cán bộ chuyên môn giáo dục như giáo viên, trợ giảng cho tới những chuyên viên phục vụ chung như người làm vườn hay nhân viên vệ sinh.

Được nhen nhóm từ năm 2014 với sự tham gia của 47 cán bộ trong những ngày đầu, sáng kiến xây dựng văn hoá học đường này đã được phát triển không ngừng và cho tới nay đã có tới 300 cán bộ nhân viên cùng gần 2000 sinh viên chung tay góp sức. Mục tiêu lớn nhất của sáng kiến này đó là làm sao khuyến khích tất cả các nhân viên trong toàn trường luôn luôn nỗ lực phấn đấu để làm tốt nhất vai trò của mỗi người.

Để đảm bảo mọi người đều tham gia đóng góp cho **văn hoá phát triển và học tập không ngừng**, trường Butler College quyết định tổ chức một cuộc khảo sát trực tuyến để ghi nhận các ý kiến đóng góp và phản hồi từ học sinh và phụ huynh của nhà trường.

Tôi trong vai trò là người tư vấn về Nghiên cứu & Phát triển của nhà trường, đã trực tiếp thực hiện khảo sát này trong năm 2016 - 2017 thông qua các phản hồi, tìm ra các vấn đề đang tồn tại liên quan đến học tập, môi trường và sự ảnh hưởng của các nhân viên trong trường đối với học sinh và phụ huynh.

Bảng hỏi được thiết kế bằng cách sử dụng mô hình Điều tra đánh giá cao - Appreciative Inquiry (AI)¹ với cách tiếp cận dựa vào các điểm mạnh. Mô hình AI tập trung vào việc nghiên cứu những điểm mạnh của tổ chức và làm thế nào để điều phối chúng cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan (Coghlan, Preskill, & Tzavaras Catsambas, 2003). Nhiều tổ chức cũng đã áp dụng cách tiếp cận này và có được những biến chuyển tích cực (Cooperrider, Whitney, & Stavros, 2003; Quinney & Richardson, 2014).

Trong chuyến khảo sát tại trường Butler College, gần 800 phản hồi của học sinh đã được thu về, trả lời cho 13 câu hỏi mở. Trong bài viết này, tôi

1 *Mô hình Điều tra đánh giá cao AI* được phát triển từ bộ phận nghiên cứu hành vi tổ chức, Trường đại học Case Western Reserve từ năm 1987 với một bài báo của David Cooperrider và Suresh Srivastkva.

tập trung vào câu hỏi “Học sinh có nhận thức gì về những gì góp phần làm lên trải nghiệm học tập đáng nhớ nhất trong tất cả các năm học tại trường?”

Tiếng nói của học sinh (theo kết quả khảo sát)

Nhóm khảo sát tiến hành tìm hiểu câu trả lời của học sinh về trải nghiệm học tập “đáng nhớ nhất” và bắt đầu với việc phân tích các từ mà các em sử dụng thường xuyên nhất. Bởi theo nguyên tắc của mô hình AI, những trải nghiệm tốt nhất và tích cực nhất từ những người tham gia sẽ được lựa chọn ra để làm cơ sở tìm ra được **giá trị tích cực cốt lõi** của tổ chức, mà trong trường hợp này là nhà trường

Số câu trả lời thu về nhiều nhất đề cập đến **“giáo viên”** là điều không thể thiếu được trong những trải nghiệm học tập đáng nhớ nhất của học sinh. Cần phải hỏi sâu hơn xem điều cụ thể gì về người giáo viên đã giúp làm cho những trải nghiệm học tập đó của học sinh thêm phần đáng nhớ; tuy nhiên có hai khía cạnh chính xuất hiện dưới vấn đề liên quan đến giáo viên đó là đức tính và phương pháp sư phạm. Hai khía cạnh này xuất hiện đan xen chứ không được đề cập riêng rẽ.

Về đức tính của thầy cô giáo:

Học sinh sử dụng một số từ khoá để mô tả các đức tính mang tính cá nhân, đức tính tích cực của giáo viên mà làm cho những giờ học của các em trở nên đáng nhớ.

Trong nhận thức của các em, “tốt/ tử tế”, “thân thiện” và “hay giúp đỡ” là top 3 đức tính của người giáo viên được cho rằng góp phần nâng cao mối quan hệ với học sinh, từ đó khiến cho những trải nghiệm học tập trở nên đáng nhớ. “Lòng tốt” cũng là một từ khoá được nhắc đến sau đó.

Dưới đây là một số ví dụ cụ thể về chia sẻ của học sinh:

“Lớp X là lớp học yêu thích của em, những nhiệm vụ thực tế trong lớp khiến cho em cảm thấy thú vị và hứng thú với giờ học. Ngoài ra nếu như thầy cô mà hài hước, tử tế và thấu hiểu học sinh thì sẽ giúp ích cho chúng em rất nhiều.” Một học sinh lớp 12 chia sẻ.

“Người giáo viên trong các lớp học nên làm bạn với sinh viên, không chỉ thảo luận về các chủ đề trong bài giảng mà còn nên chia sẻ nhiều hơn

với sinh viên. Giáo viên nên tôn trọng học sinh và đối xử với học sinh như con người”. Một học sinh lớp 9.

“Tất cả những gì chúng em học và ghi nhớ được thường đến từ những hoạt động vui vẻ. Em thích các hoạt động hài hước trong lớp học như là các trò thử nghiệm các trò chơi”. Một học sinh lớp 7 cho biết.

Về phương pháp sư phạm

Liên quan đến phương pháp sư phạm của giáo viên, học sinh chú ý tới hai tới hai khía cạnh và cho rằng hai khía cạnh này giúp hỗ trợ, nâng cao kinh nghiệm học tập cho các em. Một xoay quanh việc “sự tham gia của học sinh” và hai là “sự hướng dẫn của giáo viên”.

“*Sự tham gia của học sinh*” được hiểu là khi giáo viên đưa ra những hoạt động mà học sinh cho là các hoạt động học tập vui nhộn thông qua các trò chơi, là khi giáo viên sử dụng các phương pháp tiếp cận đa phương thức trong giảng bài và khi giáo viên hài hước và nhiệt tình.



Ví dụ:

“... là một trong những lớp học hay nhất vì cô giáo của chúng em đã giảng bài bằng rất nhiều cách ví dụ như chia sẻ những điều thú vị, viết, chơi các trò chơi tương tác và đưa ra những cách học thú vị, vui vẻ”. Một học sinh lớp 9 chia sẻ.

“Em rất thích khi chúng em được thảo luận trong lớp và khi mà cô giáo giảng giải cho chúng em hiểu về các nội dung trong bài học”. Học sinh lớp 9

“*Sự hướng dẫn của giáo viên*” ở đây bao gồm việc đưa ra các chỉ dẫn đơn giản và rõ ràng, đặt câu hỏi, tương tác và hỗ trợ học sinh trong quá trình học.

Ví dụ:

“Điều làm cho trải nghiệm học tập của em trở nên tốt hơn cả đó là cách mà thầy cô giảng giải, giải thích mọi thứ một cách đơn giản và có thể dễ dàng hiểu được”. Một học sinh lớp 7

“Giáo viên sử dụng powerpoint và bóc tách được các vấn đề ra một cách từ từ. Nó khiến cho em bị thu hút bởi lời thầy cô giảng và đạt được điểm số em muốn.” Chia sẻ của một học sinh lớp 11.

Phản hồi của nhà trường đối với các nguyện vọng của học sinh

Lắng nghe phản hồi từ học sinh, ban lãnh đạo nhà trường quyết tâm đưa ra một phương pháp chính thống và hỗ trợ tốt nhất với mong muốn phát triển hiệu suất thay vì phải quản lý hiệu suất của các bộ phận. Để làm được điều đó, toàn thể đội ngũ giáo viên giảng dạy đã được tham gia vào một đợt huấn luyện.

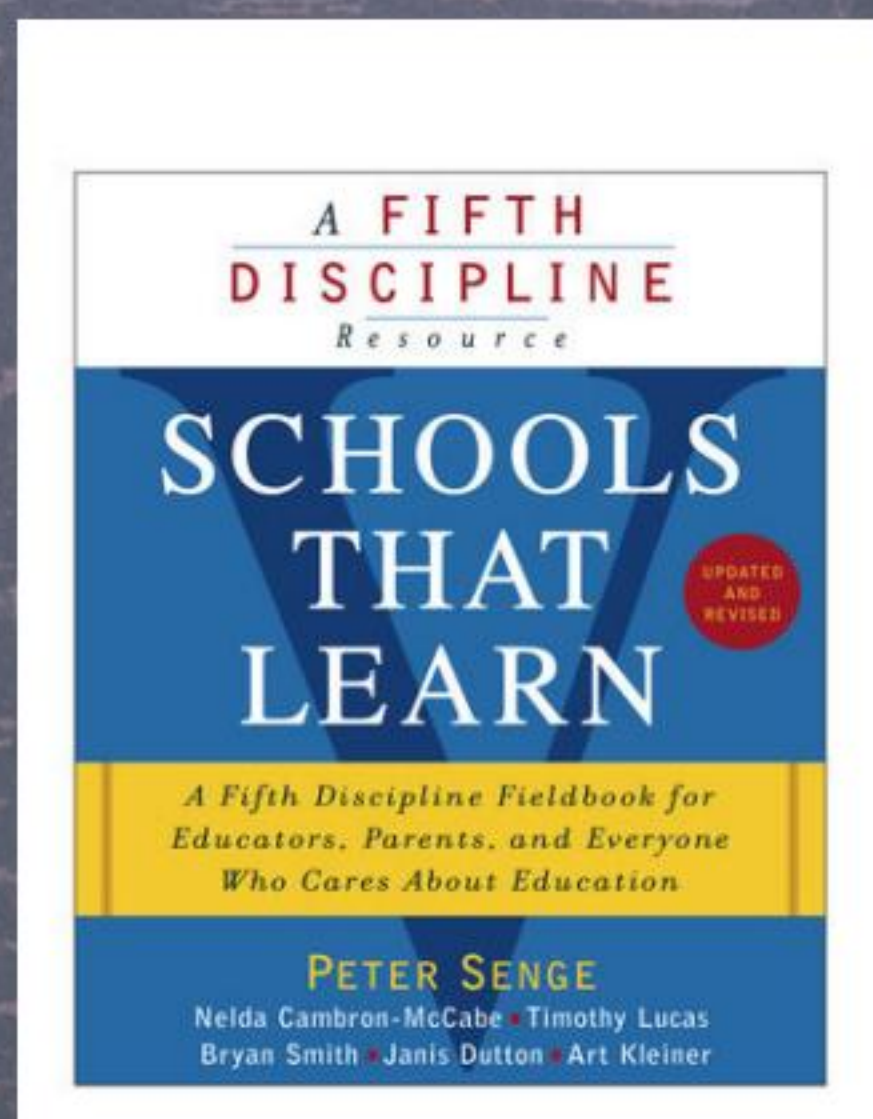
Khoảng 150 giáo viên đã tham gia vào quá trình này, tập trung vào nâng cao năng lực thực hành giảng dạy một cách thường xuyên. Toàn thể cán bộ của nhà trường ngoài việc tự chịu trách nhiệm thì còn được hỗ trợ bởi đồng nghiệp, quản lý trực tiếp của họ và tôi, với tư cách là nhà tư vấn.

Trong mỗi buổi tập huấn như vậy, một phần dữ liệu kết quả nghiên cứu từ học sinh đã được chia sẻ tới các giáo viên và cán bộ nhà trường.

Kết quả thu được của đợt tập huấn gần với Tiêu chuẩn 4 của AITSL²: “Tạo lập và duy trì môi trường học tập hỗ trợ, an toàn”. Để đảm bảo rằng tiếng nói của học sinh được lắng nghe và hồi đáp tích cực bởi toàn thể cán bộ, Tiêu chuẩn 4 đã được ban hành trở thành chủ điểm thực hiện xuyên suốt của nhà trường trong năm học 2018.



2 AITSL - Australian Institute of Teaching and School Leadership: Viện nghiên cứu Giảng dạy và Lãnh đạo trường học tại Australia



Những ngôi trường “học tập”

- Diệu Nguyễn -

Tên sách: *Schools That Learn: A Fifth Discipline Fieldbook for Educators, Parents, and Everyone Who Cares About Education*

Tác giả: Peter Senge và cộng sự

Năm xuất bản: 2000

Tái bản: 2012

Tạm dịch: *Những ngôi trường học tập: Cuốn sách thực hành Nguyên lý thứ năm dành cho các nhà giáo dục, các bậc phụ huynh và bất cứ ai quan tâm đến giáo dục.*

Tại thời điểm năm 2018, “Schools That Learn” có lẽ không còn là một tựa sách có tính thời thượng. Ấn bản đầu tiên của cuốn này được ra đời cách đây gần 2 thập kỷ (từ năm 2000), khi các khóa học MOOCs còn chưa chính thức ra đời. Lần tái bản gần nhất, mặc dù có thêm hơn trăm trang bổ sung, cũng được giới thiệu cách đây những 6 năm. Trong bối cảnh Công nghệ Thông tin đang làm thay đổi nhanh chóng nền giáo dục và những xu hướng mới nhất hầu như đều có bóng dáng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, giá trị mà “Schools That Learn” mang lại sẽ là một dấu hỏi lớn với độc giả trong lần ra mắt của tờ tạp chí không chuyên “Dạy học”.

Khiêm nhường giữa vô vàn tựa sách mới về giáo dục và cải cách giáo dục ngày nay, giá trị của cuốn sách có lẽ nằm ở tính thời điểm. Thời đó, mong ước về một ngôi trường “lý tưởng”

xoay quanh những tương tác giàu cảm xúc giữa người với người và sự chung sức đồng lòng của cả một cộng đồng.

Cuốn sách khởi đầu bằng trải nghiệm của cậu bé Matthew. “Xưa có một cậu bé ham hiểu biết và rất sáng dạ; cậu luôn có lý giải của riêng mình và một đam mê riêng về vạn vật. Trường học không đem lại quá nhiều hứng thú với cậu bé bởi vì cậu bé có những kế hoạch cá nhân khác biệt. Cậu luôn luôn bận rộn học cái gì đó. Giả dụ, cậu thu lượm những tấm huy chương cũ kỹ từ khắp nơi. Mỗi ngày đến trường, cậu đeo 1 tấm huy chương khác nhau trên cổ. Một ngày kia, cô giáo của cậu nói “Matthew, ngày mai chúng ta sẽ làm thử một thí nghiệm khoa học với kim loại. Cô cá là cả lớp có thể học được điều gì đó thú vị từ một trong những chiếc vòng cổ của con.” Cậu bé đã không thể chờ đợi để về kể với ba mẹ, và phần lớn thời gian của buổi tối ngày hôm đó được dùng vào việc thảo luận xem nên mang huy chương nào tới lớp...”

Đây là một ví dụ ngắn gọn, không đặc sắc về nội dung và bay bổng về câu chữ. Tuy vậy, phần dẫn dắt ngay sau đó đã tạo ra nhiều suy ngẫm liên tưởng về sự gắn kết khó tách rời giữa học tập và cuộc sống. “Nhu cầu học tập mãnh liệt như nhu cầu tình dục. Nhưng nhu cầu ấy bắt đầu sớm hơn và kéo dài lâu hơn.” (trích lời nhà nhân chủng học Edward T. Hall¹). Hay “Học tập

1

Edward T. Hall (1914 - 2009): Là nhà nhân chủng học

vừa mang tính chất cá nhân, lại vừa mang tính tất yếu của xã hội. Nó không chỉ kết nối chúng ta với kiến thức mà còn là giữa con người với con người” giống như cái cách mà câu nói của người giáo viên đã kết nối cả gia đình Matthew, hay chính kết nối cao đẹp giữa thầy và trò. Khi mọi khía cạnh của cuộc sống không ngừng thay đổi và tiến hóa, Công nghệ Thông tin có thể làm thay đổi đáng kể cách chúng ta học tập và phát triển, thì “*trẻ em vẫn luôn cần những nơi học tập an toàn và lành mạnh. Chúng luôn cần điểm tựa thúc đẩy chúng đam mê và tò mò khám phá thế giới rộng lớn. Chúng cần những môi trường chuyển giao giúp chúng làm quen từ ngôi nhà quen thuộc thuở ấu thơ với thế giới rộng lớn của người lớn và bao bạn bè trang lứa...Nếu chúng ta muốn thế giới tốt đẹp hơn, thì suy cho cùng, chúng ta cần có những ngôi trường học tập*”.

Một cách rất hợp logic, những trang sách ngay sau đó mô tả và giải thích ý nghĩa của cụm từ “Ngôi trường Học tập”. Cách gọi mà có lẽ sẽ khiến nhiều người phì cười về tính gọn gàng trong câu chữ, bởi vì rõ ràng “trường học” là nơi để “học tập”! “Ngôi trường Học tập” được mô tả là nơi mà “việc học” không chỉ là nhiệm vụ hay là lý do đến trường của riêng học sinh. Tại đó, tất cả các thành viên của trường học đều học tập, bao gồm: các cán bộ, giáo viên, nhân viên trường học, phụ huynh, các đối tác và cộng đồng xung quanh trường học... Môi trường lý tưởng đó không có sự nghi kỵ, dò xét, áp đặt thành tích hay chuẩn mực khắt khe bởi vì tương lai tốt đẹp hơn là mục tiêu cuối cùng được san sẻ giữa các tập thể và cá nhân.

Cuốn sách tập hợp rất nhiều ví dụ điển hình trong xây dựng Ngôi trường học tập ở 3 cấp độ: Lớp học, Trường học và Cộng đồng. Sợi dây kết nối các cấp độ nằm ở 5 nguyên lý phát triển năng lực học tập được đề xướng bởi Peter Senge: hoàn thiện bản thân, chia sẻ một tầm nhìn chung, học tập đội nhóm, tiếp nhận thực hành những quan điểm tân tiến và phát triển một tư duy hệ thống trong học tập và quản trị. Peter Senge là một nhà khoa học về quản trị hệ thống, hiện đang giảng dạy tại Sloan School of Management MIT. Ông được cho là người tiên phong phổ cập khái niệm và các phương pháp thực hành Tổ chức học tập trên thế giới; đồng thời sáng lập và chủ tịch của mạng lưới toàn cầu Society of Organizational Learning. Vào năm 1997, cuốn *The Fifth Discipline: The Art and Practice of Learning*

người Hoa Kỳ. Ông đồng thời là một nhà nghiên cứu về các vấn đề liên văn hóa và giảng dạy tại nhiều trường ĐH lớn như Harvard Business School, University of Denver, Illinois Institute of Technology....

ing Organization (1990)², được HBR đánh giá là 1 trong những cuốn sách về quản trị hay nhất trong vòng 75 năm. *Schools That Learn* ra đời 1 thập kỷ sau đó và cũng được chấp bút bởi 5 nhà sư phạm giàu tâm huyết (Bryan Smith, Nelda Cambron-McCabe, Timothy Lucas, Janis Dutton, Art Kleiner) nhằm lan tỏa thông điệp, phương pháp và các câu chuyện truyền cảm hứng về xây dựng tổ chức học tập trong lĩnh vực giáo dục tại Mỹ và các quốc gia phương Tây. Tư tưởng xuyên suốt cuốn sách có thể được đúc kết bằng tư duy cầu tiến (growth mindset³) và tư duy hệ thống. Tư duy cầu tiến không ngừng tìm kiếm thử thách và xem thất bại không phải là do thiếu thông minh mà là con đường tất yếu trong quá trình trưởng thành và rèn giũa kỹ năng. Tư duy hệ thống là việc nhìn nhận và giải quyết vấn đề trong một thể thống nhất toàn diện và trong mối tương quan giữa các yếu tố với nhau.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về Ngôi trường học tập nói riêng hay Tổ chức học tập nói chung dành riêng cho bối cảnh trong nước còn rất hạn chế hoặc gần như chưa có. Do đó, việc đọc các nghiên cứu và tài liệu sách báo của nước ngoài có ý nghĩa quan trọng. Dù đã ra đời cách đây gần 20 năm, *Schools That Learn* hẳn sẽ còn nhiều giá trị tại Việt Nam.

Schools That Learn dành phần nhiều trang sách để kể chuyện. Câu chuyện này hay câu chuyện kia, bối cảnh này hay bối cảnh khác, có thể phù hợp với nhân sinh quan của người A và không phù hợp với người B, và có thể áp dụng tại Việt Nam hoặc không. Tuy nhiên, tư tưởng quản trị trường học xuyên suốt từ cuốn sách hẳn sẽ trở thành kim chỉ nam trong công việc và cuộc sống cho bất cứ ai quan tâm tới giáo dục.

Tư duy cầu tiến không ngừng tìm kiếm thử thách và xem thất bại không phải là do thiếu thông minh mà là con đường tất yếu trong quá trình trưởng thành và rèn giũa kỹ năng

2 Bạn đọc có thể tìm đọc bản dịch Tiếng Việt với tiêu đề: “Nguyên lý thứ năm: Nghệ thuật và thực hành Tổ chức học tập” do NXB Thời Đại ấn hành vào năm 2010.

3 Đọc thêm trong cuốn *Growth Mindset: The New Psychology of Success* của Carol S. Dweck (2007).

Khi “Trẻ em giúp trẻ em đọc sách”, cả xã hội vui mừng

Hoàng Anh*



Trẻ em làm tình nguyện sẽ mang lại rất nhiều lợi ích như giúp trẻ đưa ra những quyết định lành mạnh hơn sau này, hỗ trợ sự phát triển tính cách, nhân cách và kĩ năng sống của trẻ. Nghiên cứu của Lewis và Bonollo (2002)¹ cũng đã chỉ ra rằng việc làm tình nguyện giúp nâng cao nhận thức của trẻ về giá trị bản thân cũng như giá trị của trẻ đối với cuộc sống của người khác, nâng cao tinh thần trách nhiệm và hứng thú học tập. Việc làm tình nguyện rất hữu ích với trẻ, tuy nhiên hiện nay ở Việt Nam lại chưa có chương trình tình nguyện nào dành cho trẻ nhỏ, đặc biệt là các bạn ở lứa tuổi mầm non và tiểu học.

Với mục đích trao quyền cho trẻ em và tạo cơ hội cho các bạn nhỏ được làm tình nguyện, học hỏi kĩ năng sống và phát triển những phẩm chất tốt như tự tin, biết cho đi, có trách nhiệm và sống có ý nghĩa, CFC Việt Nam xây dựng dự án: “Trẻ em giúp trẻ em đọc sách”, để các các bạn nhỏ tham gia quyên góp sách, mang tới tặng, và đọc sách cùng các bạn nhỏ ở nông thôn.

Dự án mang lại nhiều lợi ích cho các em nhỏ và xã hội:

¹ Lewis, W. P., & Bonollo, E. (2002). An analysis of professional skills in design: implications for education and research. *Design studies*, 23(4), 385-406.

*ThS. Hoàng Anh là Giám đốc hoạt động CFC Vietnam; Sáng lập Chương trình Trẻ em giúp trẻ em đọc sách

- Đối với trẻ em thành phố: có cơ hội làm tình nguyện, được cho đi, nghiên cứu cho thấy, trẻ em khi được cho đi và cảm thấy mình có ý nghĩa hạnh phúc gấp 2 lần so với khi trẻ nhận được quà. Đây là còn là dịp để các em giao lưu, tăng sự tự tin và hòa nhập, biết chia sẻ với những người kém may mắn hơn mình

- Đối với trẻ em nông thôn: ngoài việc được nhận món quà ý nghĩa là sách, các em còn được giao lưu với các bạn nhỏ thành phố, những bạn có thể có ngôn ngữ, văn hóa khác với mình. Dù trong cùng 1 đất nước nhưng trẻ em nông thôn và thành phố vẫn rất khác nhau.

- Đối với xã hội nói chung: ở Việt Nam, trung bình 1 người chỉ đọc 1,2 cuốn sách/1 năm. Dự án này góp phần nâng cao tình yêu sách và gieo mầm thói quen đọc sách với các bạn nhỏ.

Đến nay, dự án đã tổ chức được 6 chương trình cho các bạn nhỏ ở Hà Nội tặng 1130 cuốn sách cho hơn 3000 bạn nhỏ ở các trường mầm non thuộc tỉnh Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Thái Bình và trường cho trẻ khuyết tật Nhân Chính ở Hà Nội.

CFC rất mong muốn có được sự tham gia đóng góp, ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần và sự tham gia của cộng đồng dành cho chương trình Trẻ em giúp trẻ đọc sách và dành cho trẻ em



trên khắp đất nước để dự án được mở rộng hơn nữa.

Thông tin chi tiết về chương trình và cách thức tham gia xin xem thêm ở website của CFC: <https://cfc.org.vn/moi-tham-gia-du-an-tre-em-gi-up-tre-em-doc-sach/>

Về CFC

- Trung tâm Sức khỏe gia đình và Phát triển Cộng đồng – CFC là một tổ chức xã hội dân sự, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam.
- Mục đích hoạt động của CFC là thúc đẩy thực hiện quyền trẻ em thông qua tăng cường năng lực cho bản thân trẻ, cho gia đình và cộng đồng. CFC mong muốn tạo nền tảng tích cực và môi trường an toàn cho sự phát triển toàn diện của trẻ em



Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Đặng Thanh Giang

Lê Thanh Hằng

Nguyễn Minh Thành | Viện KHGD - ĐHSP Quý Châu

Nguyễn Bảo Trọng | Sakura Montessori

Phạm Bảo Đức | THCS Nguyễn Du - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Hoàng Giang Quỳnh Anh | Học viện Agile

Bạch Dương | BetterCre

Nguyễn An Quyên | IvyPrep Education

Phạm Phước Hiền | Vinschool Central Park

Ứng Minh Tuấn | THCS Nhật Tân - Tây Hồ - Hà Nội

Nguyễn Thị Hải Diệu | Wise Consulting Finland

Trần Trung Hà | ĐH Melbourne

Tô Bích Phượng | IvyPrep Education

Đoàn Thị Hà Thu | ĐH Anh Quốc Việt Nam

Khách mời

Dương Trọng Tấn | Học viện Agile

Hoàng Anh | CFC Việt Nam

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



“Học để Dạy, và Dạy để Học